

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

---

TRỊNH THỊ HUYỀN

**PHÁP LUẬT VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH TỪ THỰC TIỄN  
QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI – 2017

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

---

TRỊNH THỊ HUYỀN

**PHÁP LUẬT VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH TỰ THỰC TIỄN  
QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Chuyên ngành : Luật kinh tế  
Mã số : 60.38.01.07

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC  
PGS.TS. NGUYỄN THỊ THƯƠNG HUYỀN**

**HÀ NỘI – 2017**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan bản luận văn là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và có nguồn gốc rõ ràng.

**TÁC GIẢ**

**Trịnh Thị Huyền**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ PHÁP LUẬT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH .....</b>	<b>8</b>
1.1 Khái niệm, đặc điểm và vai trò về thuế giá trị gia tăng .....	8
1.2. Khái niệm, đặc điểm hộ kinh doanh .....	12
1.3. Pháp luật về thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh .....	16
<b>Chương 2: THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH TỪ THỰC TIỄN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI.....</b>	<b>27</b>
2.1. Điều kiện tự nhiên – kinh tế xã hội và đặc thù hộ kinh doanh trên địa bàn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.....	27
<b>2.3. Thực tiễn thực hiện pháp luật thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh trên địa bàn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội .....</b>	<b>40</b>
<b>2.4. Một số tồn tại, hạn chế và những vấn đề đặt ra từ thực tiễn thực hiện pháp luật thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh trên địa bàn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.....</b>	<b>53</b>
<b>Chương 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH TỪ THỰC TIỄN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI .....</b>	<b>58</b>
3.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh.....	58
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh .....	59
<b>3.3. Các giải pháp tăng cường quản lý hộ kinh doanh trên địa bàn quận Hà Đông.....</b>	<b>61</b>
<b>3.4. Cơ chế đảm bảo thực hiện pháp luật về thuế giá trị gia tăng .....</b>	<b>66</b>
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>73</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BTC	Bộ tài chính
CQT	Cơ quan thuế
ĐTNT	Đối tượng nộp thuế
GTGT	Giá trị gia tăng
NĐ-CP	Nghị định chính phủ
NSNN	Ngân sách nhà nước
NNT	Người nộp thuế
KBNN	Kho bạc nhà nước
KH-NV	Kế hoạch nhiệm vụ
TT	Thông tư
TNCN	Thu nhập cá nhân

## **DANH MỤC CÁC BẢNG**

Bảng 2.1. Tổng giá trị gia tăng và cơ cấu kinh tế quận Hà Đông năm 2011-2016.....	28
Bảng 2.2. Bảng tổng hợp thu ngân sách năm 2016.....	46
Bảng 2.3: Kết quả thu thuế GTGT của hộ kinh doanh trên địa bàn các phường thuộc quận Hà Đông giai đoạn 2011-2016.....	48
Bảng 2.4. Kết quả quản lý hộ kinh doanh trên địa bàn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội năm 2011-2016.....	49
Bảng 2.5. Kết quả quản lý hộ kinh doanh theo doanh thu nộp thuế GTGT trên địa bàn quận Hà Đông năm 2016.....	50
Bảng 2.6. Kết quả kiểm tra các hộ kinh doanh trên địa bàn quận Hà Đông năm 2015 -2016.....	52

## **DANH MỤC CÁC BIỂU**

Biểu đồ 2.1: Tổng hợp hộ kinh doanh trên địa bàn Quận Hà Đông phân theo loại hình kinh doanh giai đoạn 2011-2016. ....	31
Biểu đồ 2.2: Cơ cấu hộ kinh doanh có địa điểm cố định theo tình trạng đăng ký kinh doanh năm 2013 .....	32

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Thuế là một trong những công cụ để nhà nước điều chỉnh nền kinh tế vĩ mô, là một trong những nguồn thu có đóng góp lớn vào NSNN đảm bảo nhu cầu chi tiêu của nhà nước và xã hội. Hơn thế nữa, thuế còn biểu thị sự đóng góp của nhân dân góp phần vào công cuộc xây dựng đất nước giàu mạnh, văn minh...điều đó đã được nâng lên thành “quyền và nghĩa vụ” của mỗi người trong xã hội.

Thuế GTGT là một trong những sắc thuế lớn và quan trọng trong hệ thống thuế của nước ta, được áp dụng chính thức ở Việt Nam từ năm 1999 thay thế cho thuế doanh thu. Trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay thuế không chỉ đơn thuần là một hiện tượng quốc gia mà còn là một hiện tượng quốc tế. Sự cạnh tranh qua thuế giữa các quốc gia là xu thế phát triển tất yếu của nhân loại. Cũng chính vì lẽ đó mà các sắc thuế tiên tiến, khoa học đã lần lượt ra đời. Trong đó thuế giá trị gia tăng được đánh giá là một trong những sắc thuế tiên tiến, khoa học hiện nay [20, tr. 08-09], có khả năng tạo công bằng trong việc thu thuế, thúc đẩy các doanh nghiệp cải tiến quản lý, tăng năng suất lao động, hạ giá thành để cạnh tranh thuận lợi ở trong và ngoài nước, điều quan trọng hơn nữa là thuế GTGT có thể khắc phục được nhược điểm thu trùng lặp của thuế doanh thu trước đây. Thuế GTGT đóng góp phần lớn giá trị trong kế hoạch thu thuế của ngành thuế, điều đó nói lên vai trò quan trọng của nó trong hệ thống Thuế của Việt Nam hiện nay.

Kể từ bắt đầu ban hành năm 1999 đến nay, luật thuế GTGT đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần nhằm tháo gỡ kịp thời những vướng mắc phát sinh, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam. Năm 2008, Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ra đời đánh dấu sự phát triển mới về chính sách thuế giá trị gia tăng của Việt Nam và điều chỉnh bao quát, đầy đủ lĩnh vực thuế giá trị gia tăng nhất là trong mặt quản lý thuế. Tuy nhiên, trong quá trình

phát triển kinh tế xã hội nhanh như hiện nay, các đối tượng nằm trong phạm vi chịu thuế, miễn thuế... đã có nhiều thay đổi dẫn tới tình trạng những nhóm đối tượng này không được đối xử một cách công bằng, không khuyến khích được sản xuất, kinh doanh, gây thất thu cho ngân sách nhà nước. Với bản chất thuế GTGT là loại thuế tiêu dùng nên vẫn được phát huy vai trò là loại thuế có số thu đóng góp vào NSNN nhiều nhất gần 30% tổng thu ngân sách nhà nước [14, tr. 89]. Tính đến hết năm 2014, cả nước có tổng cộng 4,658 triệu hộ kinh doanh cá thể [35, tr. 26], các hộ kinh doanh đóng góp khoảng 20% GDP cả nước [4]. Nhìn chung Luật thuế GTGT có khá nhiều ưu điểm như: làm tăng nguồn thu NSNN, kích thích sản xuất... Nhưng bên cạnh đó vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất là đối với hộ kinh doanh trên cả nước nói chung và trên địa bàn Chi cục thuế quận Hà Đông, thành phố Hà Nội nói riêng, việc chấp hành pháp luật thuế GTGT chưa cao.

Nên việc tìm hiểu thực trạng pháp luật về thuế giá trị gia tăng, nhất là cho đối tượng các hộ kinh doanh trên địa bàn cụ thể như quận Hà Đông, thành phố Hà Nội là rất cần thiết. Trên cơ sở đó, luận văn có thể đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện hơn nữa pháp luật về thuế GTGT để Luật thuế GTGT được thực thi tốt hơn, phát huy được hết vai trò quan trọng của nó trong giai đoạn hiện nay, cũng như trong tương lai một cách ổn định và bền vững. Xuất phát từ thực tiễn trên có thể thấy đề tài nghiên cứu "*Pháp luật về thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh từ thực tiễn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội*" là thật sự cần thiết.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Trong thời gian qua, đã có một số công trình, bài viết liên quan mật thiết đến đề tài của luận văn hoặc liên quan đến các nội dung nghiên cứu của đề tài được công bố trên các tạp chí khoa học, tạp chí chuyên ngành, các báo cáo trình bày tại hội thảo khoa học, các đề tài nghiên cứu khoa học, luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, luận văn tốt nghiệp, sách hay các tin bài được đăng



tải trên các phương tiện thông tin đại chúng. Các công trình, các bài viết đã nghiên cứu đề cập đến các khía cạnh khác nhau của luật thuế giá trị gia tăng diễn hình như:

- Luận án tiến sĩ của Nguyễn Thị Thương Huyền (2002), *Những vấn đề pháp lý về việc áp dụng thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam*, tác giả đã xây dựng lý luận chung về áp dụng thuế GTGT và pháp luật điều chỉnh thuế GTGT, đưa ra những phương hướng, giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật thuế GTGT và cơ chế đảm bảo thực hiện nhằm nâng cao tính hiệu lực và hiệu quả của việc áp dụng thuế GTGT ở Việt Nam.

- Bài viết của tác giả Nguyễn Văn Tuyền (2008), *Một số ý kiến trao đổi, bình luận về dự án luật thuế thu nhập doanh nghiệp và dự án luật thuế giá trị gia tăng*, trên Tạp chí Nghiên cứu lập pháp điện tử trong đó tác giả đã đưa ra rất nhiều ý kiến trao đổi trong việc thực hiện luật thuế giá trị gia tăng cho đối tượng doanh nghiệp cũng như một số kiến nghị đề xuất nhằm cải thiện lại hệ thống thuế thu nhập doanh nghiệp cũng như hệ thống thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam.

- Bài viết của tác giả Lê Thị Thu Thủy (2008), *Luật thuế giá trị gia tăng nên sửa đổi theo hướng nào*, tại Tạp chí Nghiên cứu lập pháp điện tử, đã đưa ra những bất cập cũng như những khó khăn đối với việc thực hiện luật thuế giá trị gia tăng. Trên cơ sở đó, tác giả cũng đưa ra những kiến nghị cần sửa đổi để luật thuế giá trị gia tăng gần gũi hơn với cuộc sống và nhà nước không bị thất thu khi áp dụng luật thuế này vào thực tiễn.

- Luận văn thạc sĩ của Lê Thị Bích Liên (2001), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về pháp luật thuế GTGT ở Việt Nam*, luận văn đã cung cấp một số lý luận thực tiễn vào pháp luật thuế GTGT ở Việt Nam.

- Luận văn thạc sĩ của Bùi Thị Thúy (2013), *Hoàn thiện chính sách pháp luật thuế giá trị gia tăng trong tiến trình cải cách hiện đại hóa ngành thuế ở Việt Nam*, tác giả đã phân nào đáp ứng được những yêu cầu đã đặt ra

trên thực tiễn và có những đóng góp quan trọng vào chính sách pháp luật thuế giá trị gia tăng. Luận văn đã đề cập sửa đổi chính sách thuế đã được sửa đổi theo hướng đơn giản, minh bạch, rõ ràng, dễ thực hiện đáp ứng yêu cầu đơn giản hóa thủ tục hành chính, hội nhập kinh tế quốc tế nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất trong tiến trình hiện đại hóa của ngành thuế ở Việt Nam.

- Luận văn thạc sỹ của Trương Thị Hồng Nhung (2013), *Pháp luật về quản lý thuế giá trị gia tăng tại Việt Nam*, tác giả muốn tập trung phân tích thực trạng pháp luật về quản lý thuế GTGT ở Việt Nam hiện nay, những ưu điểm, thành tựu đạt được cũng như những vướng mắc trên thực tế và chỉ ra nguyên nhân của những tồn tại, vướng mắc đó. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn để đưa đề luận chứng khoa học cho việc xác định phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả pháp luật quản lý thuế GTGT ở Việt Nam hiện nay.

- Luận văn thạc sỹ của Hoàng Minh Sơn (2012), *Pháp luật về hộ kinh doanh ở Việt Nam*, tác giả làm rõ cơ sở lý luận, các quy định của pháp luật thực định về hộ kinh doanh ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay từ đó đề ra các giải pháp để hoàn thiện hệ thống pháp luật về hộ kinh doanh.

- TS.Nguyễn Văn Vân & Th.S.Nguyễn Thị Thủy (2009), với bài viết *Một số vấn đề pháp lý về hoàn thuế giá trị gia tăng*, đăng trên tạp chí Luật học đã đề cập đến một khía cạnh rất quan trọng của luật thuế giá trị gia tăng. Theo tác giả thuế GTGT tự bản thân nó là một sắc thuế tiên tiến được áp dụng rộng rãi và thành công ở hơn 100 quốc gia trên thế giới. Với bản chất là loại thuế chỉ đánh trên phần giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ... nên thuế GTGT được khẳng định như một loại thuế có độ chính xác, hợp lý, khoa học và công bằng hơn thuế doanh thu, khắc phục được hiện tượng thuế chồng thuế. Đồng thời thuế GTGT còn khẳng định ưu điểm của mình trong khuyến khích hoạt động xuất khẩu, khuyến khích đầu tư và góp phần thực hiện công bằng xã hội trong thuế. Ở Việt Nam Luật thuế GTGT được thông qua ngày 10/5/1997 tại kỳ

hợp thứ 11 Quốc hội khoá IX và có hiệu lực từ 01/01/1999. Sau 4 năm thực hiện, bên cạnh những kết quả đạt được, Luật thuế GTGT đã bộc lộ những bất cập nhất định, đặc biệt là những qui định về khấu trừ và hoàn thuế GTGT.

- Luận văn thạc sỹ luật học của tác giả Bùi Công Quang (2006), *Thực trạng và các giải pháp hoàn thiện pháp luật thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam*, Luận văn cũng đã đưa ra những thực trạng trong việc thực hiện pháp luật về thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam từ năm 1999 đến năm 2005 và những kiến nghị đối với việc hoàn thiện pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

Những kết quả nghiên cứu trong các công trình khoa học trên đã được tác giả tham khảo, kế thừa và vận dụng để làm sáng tỏ những vấn đề lý luận việc thực hiện pháp luật thuế GTGT trên địa bàn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

*Mục đích nghiên cứu:* Làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về pháp luật thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh và thực hiện pháp luật thuế giá trị tăng đối với hộ kinh doanh trên địa bàn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Trên cơ sở đó, luận văn đề xuất một số giải pháp tiếp tục hoàn thiện pháp luật về thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh.

*Nhiệm vụ nghiên cứu:* Để đạt được mục đích trên, nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể của luận văn như sau:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận về thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh trong đó luận văn làm rõ khái niệm, đặc điểm, vai trò của thuế GTGT cũng như của hộ kinh doanh.

- Phân tích, đánh giá quy định của pháp luật thuế GTGT đối với hộ kinh doanh.

- Phân tích và làm rõ thực tiễn thực hiện pháp luật về thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh trên địa bàn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh và giải pháp đảm bảo thực hiện pháp luật thuế GTGT đối với hộ kinh doanh ở Việt Nam .

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

*Đối tượng nghiên cứu:* Thuế giá trị gia tăng và Pháp luật thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh.

*Phạm vi nghiên cứu:*

- Luận văn nghiên cứu pháp luật thuế GTGT ở Việt Nam bao gồm cả pháp luật về thuế GTGT và pháp luật quản lý thuế GTGT đối với hộ kinh doanh.

- Luận văn chỉ nghiên cứu đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật thuế GTGT đối với hộ kinh doanh từ thực tiễn của quận Hà Đông, thành phố Hà Nội từ năm 2011 đến nay.

#### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

*Phương pháp luận:* Luận văn sẽ dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin, quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu đề tài cũng dựa trên các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội. Ngoài các phương pháp mang tính truyền thống trên, đề tài sẽ áp dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống, liên ngành, luật học so sánh và dự báo qua những tài liệu thứ cấp để làm sáng tỏ vấn đề cần được nghiên cứu trong đề tài.

*Phương pháp nghiên cứu:* Luận văn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau:

- Phương pháp hệ thống hóa, tổng hợp và phân tích, thống kê: Thông qua phương pháp này, các thông tin đơn lẻ sẽ được tổng hợp, hệ thống hóa và xâu chuỗi thành các nhóm vấn đề; được phân tích, khái quát hóa để xây dựng lý luận về thuế GTGT đối với hộ kinh doanh và pháp luật thuế GTGT đối với hộ kinh doanh.

- Phương pháp nghiên cứu luật so sánh: Phương pháp này được sử dụng để so sánh các khái niệm, quy định pháp luật và các nội dung khác cần làm sáng tỏ trong luận văn.

- Phương pháp sử dụng số liệu thống kê từ các cơ quan quản lý, từ các hộ kinh doanh để đánh giá kết quả thực hiện pháp luật về thuế GTGT đối với hộ kinh doanh trên địa bàn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

Luận văn đã nghiên cứu, xây dựng và làm rõ các vấn đề từ lý luận đến thực trạng pháp luật về thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh, và thực tiễn áp dụng trên địa bàn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

*Về mặt lý luận:* luận văn đã góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận cơ bản về pháp luật thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh

*Về mặt thực tiễn:* luận văn có giá trị tham khảo cho các cơ quan lập pháp trong quá trình nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện pháp luật về thuế giá trị gia tăng đặc biệt đối với các hộ kinh doanh. Việc tổ chức thực hiện pháp luật thuế GTGT đối với hộ kinh doanh trên địa bàn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

## **7. Cơ cấu của luận văn**

Ngoài lời cam đoan, danh mục các chữ viết tắt, danh mục bảng biểu và danh mục tài liệu tham khảo luận văn được kết cấu thành 3 chương như sau:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về thuế giá trị gia tăng và pháp luật thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh.

Chương 2: Thực hiện pháp luật về thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh từ thực tiễn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Chương 3: Phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh từ thực tiễn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

## **Chương 1**

# **MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ PHÁP LUẬT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH**

## **1.1 Khái niệm, đặc điểm và vai trò về thuế giá trị gia tăng**

### ***1.1.1 Khái niệm về thuế giá trị gia tăng***

Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT) lần đầu tiên được Quốc hội khoá IX thông qua ngày 10/5/1997 và bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/01/1999. Việc quy định thuế GTGT thay cho thuế doanh thu là một bước cải cách quan trọng trong hệ thống chính sách thuế của Việt Nam. Tính đến nay, Luật đã trải qua nhiều lần sửa đổi, bổ sung. Gần đây nhất, tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khoá XII, nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 03/6/2008 đã thông qua Luật thuế GTGT, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009. Kể từ khi ban hành cho đến nay, thuế GTGT luôn thu hút sự quan tâm đặc biệt của xã hội, của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức, cá nhân. Theo Luật thuế giá trị gia tăng thì thuế giá trị gia tăng là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng .

Thuế GTGT là một sắc thuế đánh trên phần giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ. Điểm nổi bật của thuế GTGT là khắc phục được nhược điểm thu trùng lặp, chồng chéo qua nhiều khâu của thuế doanh thu. Khấu trừ là một đặc trưng cơ bản của thuế GTGT, qua cơ chế này các doanh nghiệp cũng thường lợi dụng để thực hiện những hành vi gian lận để chiếm đoạt tiền của Nhà nước thông qua việc khấu trừ và hoàn thuế.

Thuế GTGT đánh trên phần giá trị mới được tạo ra (giá trị gia tăng) trong quá trình sản xuất kinh doanh. Vấn đề cơ bản là phải xác định được giá trị gia tăng ở mỗi giai đoạn sản xuất kinh doanh, có như vậy mới tính được một cách chính xác số thuế giá trị gia tăng của giai đoạn đó.

Như vậy có thể thấy thuế GTGT là một loại thuế gián thu đánh vào hành vi

tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ. Tuy nhiên về bản chất, thuế GTGT khác với các loại thuế gián thu khác, điều này thể hiện qua các đặc điểm của thuế GTGT.

### ***1.1.2 Đặc điểm của thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng có những đặc điểm cơ bản sau:

*Thứ nhất*, thuế GTGT là một loại thuế gián thu. Thuế GTGT là thuế tiêu dùng nhưng không điều tiết trực tiếp vào phần thu nhập dành cho tiêu dùng của người tiêu dùng mà điều tiết gián tiếp thông qua hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng. Thuế gián thu thường có người chịu thuế và người nộp thuế không đồng nhất với nhau. Đối với thuế GTGT thì người cung cấp hàng hóa, dịch vụ có khả năng và cơ hội chuyển nghĩa vụ thuế của mình thông qua giá cả bằng cách tính gộp khoản thuế này vào giá thanh toán mà người tiêu dùng phải chi trả. Tuy nhiên, đặc điểm này cũng chỉ mang tính tương đối vì rằng người chịu thuế GTGT hoặc là người tiêu dùng, hoặc là người sản xuất, hoặc cả người sản xuất và người tiêu dùng, hoặc người sản xuất, hoặc cả người sản xuất và người tiêu dùng cùng chịu tùy thuộc vào mối quan hệ cung cầu của loại hàng hóa đó trên thị trường.

*Thứ hai*, thuế giá trị gia tăng là thuế lũy thoái. Thuế GTGT là sắc thuế đánh vào hàng hóa, dịch vụ. Thuế này cấu thành vào trong giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ. Khi cùng tiêu dùng một hàng hóa, dịch vụ như nhau thì người tiêu dùng phải trả một mức thuế như nhau, không phân biệt người tiêu dùng có thu nhập cao hay thấp. Do vậy, tỷ lệ điều tiết của thuế GTGT đối với người nghèo cao hơn người giàu hay tỷ suất thuế GTGT bình quân giảm khi thu nhập của người chịu thuế tăng.

*Thứ ba*, thuế GTGT là loại thuế đánh nhiều giai đoạn, không trùng lặp. Thuế GTGT đánh vào tất cả các giai đoạn của quá trình sản xuất kinh doanh nhưng chỉ tính trên phần giá trị tăng thêm của mỗi giai đoạn. Tổng số thuế thu được của tất cả các giai đoạn đúng bằng số thuế tính trên giá bán cho người tiêu dùng cuối cùng. Do vậy, việc thu thuế trên GTGT ở từng giai đoạn tương đương

với số thuế tính trên giá bán cho người tiêu dùng cuối cùng. Đặc điểm này cho thấy thuế GTGT đã khắc phục được nhược điểm trùng lặp của thuế doanh thu trước đây khi thuế doanh thu cũng đánh vào nhiều giai đoạn nhưng lại đánh trên giá trị toàn bộ của hàng hóa, dịch vụ trong mỗi giai đoạn chuyển dịch.

*Thứ tư*, thuế GTGT có tính trung lập kinh tế cao. Thuế GTGT không phải là yếu tố chi phí mà đơn thuần là yếu tố cộng thêm ngoài giá bán của người cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Thuế GTGT không ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của người nộp thuế, bởi vì thuế này không cấu thành trong doanh thu hay chi phí của hoạt động kinh doanh. Thuế GTGT cũng không bị ảnh hưởng bởi quá trình tổ chức và phân chia các chu trình kinh tế; sản phẩm được luân chuyển qua nhiều hay ít giai đoạn thì tổng số thuế GTGT phải nộp của tất cả các giai đoạn không thay đổi, đều bằng với số thuế tính trên giá bán cho người tiêu dùng cuối cùng.

*Thứ năm*, thuế GTGT là loại thuế đánh theo nguyên tắc điểm đến. Nguyên tắc điểm đến là một nguyên tắc chủ yếu được áp dụng trong đánh thuế tiêu dùng. Đánh thuế theo nguyên tắc điểm đến nghĩa là đánh thuế tiêu dùng căn cứ vào nơi thực hiện hành vi tiêu dùng, không phân biệt hàng hóa đó được sản xuất ở đâu. Theo nguyên lý này, thuế GTGT đánh vào tất cả các hàng hóa và dịch vụ ở nơi người tiêu dùng cư trú, không phân biệt hàng hóa đó được sản xuất trong nước hay sản xuất ở nước ngoài. Khi đó, hàng hóa sản xuất ở nước ngoài nhưng nhập khẩu phục vụ cho tiêu dùng trong nước cũng bị đánh thuế GTGT ngay khi nhập khẩu; hàng hóa sản xuất trong nước xuất khẩu phục vụ cho tiêu dùng ngoài lãnh thổ sẽ không bị tính thuế GTGT (thông qua cơ chế áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%).

### ***1.1.3 Vai trò của thuế giá trị gia tăng***

Thuế là công cụ rất quan trọng để Nhà nước thực hiện chức năng quản lý vĩ mô đối với nền kinh tế. Nền kinh tế nước ta đang trong quá trình vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, do đó thuế giá trị gia



tăng có vai trò rất quan trọng đối với việc điều tiết thu nhập của nền kinh tế, là khoản thu quan trọng trong NSNN.

*Thứ nhất*, Thuế GTGT có tác dụng điều tiết thu nhập của tổ chức, cá nhân tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT để đóng góp vào ngân sách nhà nước. Do đó thuế GTGT là khoản thu quan trọng của Ngân sách nhà nước. Thuế giá trị gia tăng tạo được nguồn thu lớn và tương đối ổn định cho ngân sách nhà nước.

*Thứ hai*, Thuế GTGT còn có vai trò khuyến khích xuất khẩu hàng hoá, dịch vụ thông qua áp dụng thuế suất 0%, doanh nghiệp xuất khẩu hàng hoá, dịch vụ không những không phải chịu thuế GTGT ở khâu xuất khẩu mà còn được hoàn toàn bộ số thuế đầu vào đã thu ở khâu trước nên có tác dụng giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh về giá hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu trên thị trường quốc tế.

*Thứ ba*, Thuế GTGT còn được xem như là công cụ thúc đẩy thực hiện chế độ hạch toán kế toán; sử dụng hoá đơn, chứng từ và thanh toán qua ngân hàng vì việc tính thuế đầu ra, khấu trừ thuế GTGT đầu vào quy định rõ phải căn cứ trên hoá đơn mua vào, bán ra; hàng hoá xuất khẩu mua bán phải thanh toán qua ngân hàng.

*Thứ tư*, Thuế GTGT khắc phục nhược điểm của thuế doanh thu trước đây là “thuế chồng lên thuế”; thuế GTGT có nhiều ưu điểm, tác dụng tích cực tới khuyến khích sản xuất kinh doanh, tăng cường đầu tư, tăng thu cho NSNN.

*Bởi vì*, Thuế GTGT mang bản chất liên hoàn nên thuế GTGT đã được nộp ở giai đoạn trước sẽ được khấu trừ ở giai đoạn sau thông qua cơ chế giá cả khi thực hiện hành vi mua bán trao đổi sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ. Việc khấu trừ thuế đã nộp ở giai đoạn trước gọi là khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

Thuế GTGT đầu vào là tổng số thuế GTGT trên hoá đơn GTGT mua hàng hoá, dịch vụ hoặc chứng từ nộp thuế GTGT của hàng hoá nhập khẩu. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào như sau:

a) Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng được khấu trừ toàn bộ, kể cả thuế giá trị gia tăng đầu vào không được bồi thường của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng bị tổn thất;

b) Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá, dịch vụ sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế thì chỉ được khấu trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng. Cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ % giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng so với tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra;

c) Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá, dịch vụ bán cho tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn vốn viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại được khấu trừ toàn bộ;

d) Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá, dịch vụ sử dụng cho hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ dầu, khí được khấu trừ toàn bộ.

e) Thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó. Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai sót thì được kê khai, khấu trừ bổ sung trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.

## **1.2. Khái niệm, đặc điểm hộ kinh doanh**

### ***1.2.1 Khái niệm hộ kinh doanh***

Trước đây, hộ kinh doanh được thể hiện dưới hình thức hộ cá thể (hay hộ kinh doanh cá thể). Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/04/2010 của Chính phủ; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 14/9/2015 đang áp dụng đối với hộ kinh doanh được định nghĩa như sau: Hộ kinh doanh do một cá nhân hoặc một nhóm người gồm các cá nhân là công dân Việt Nam đủ 18

tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, hoặc một hộ gia đình làm chủ, chỉ được đăng ký kinh doanh tại một địa điểm, sử dụng dưới mười lao động và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh (Khoản 1, điều 66).

Định nghĩa trên về “hộ kinh doanh” cho thấy hộ kinh doanh có năm yếu tố để xác định hộ kinh doanh như sau :

(1) Hộ kinh doanh do một cá nhân hoặc một nhóm người hoặc một hộ gia đình làm chủ;

(2) Hộ kinh doanh chỉ được kinh doanh tại một địa điểm;

(3) Hộ kinh doanh không sử dụng quá mười lao động;

(4) Hộ kinh doanh không có con dấu;

(5) Hộ kinh doanh chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh [23].

### ***1.2.2. Đặc điểm hộ kinh doanh***

Hộ kinh doanh có các đặc điểm pháp lý sau:

*Thứ nhất, Hộ kinh doanh không có tư cách pháp nhân:* Trước đây, theo quy định về chính sách đối với kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh sản xuất công nghiệp, dịch vụ công nghiệp, xây dựng, vận tải được ban hành theo Nghị định 27/HĐBT ngày 09/3/1998 của Hội đồng Bộ Trưởng thì Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân của hộ kinh doanh. Nhưng theo quy định của pháp luật hiện hành, hộ kinh doanh không có tư cách pháp nhân.

Tư cách pháp nhân theo quan niệm của pháp luật Việt Nam hiện nay là tư cách pháp lý được Nhà nước công nhận cho một tổ chức (nhóm người) có khả năng tồn tại và hoạt động độc lập trước pháp luật. Khác với thể nhân, không phải tổ chức nào, nhóm người nào cũng đều được Nhà nước công nhận là pháp nhân. Theo quy định tại Điều 84 Bộ luật dân sự năm 2005, một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ các điều kiện sau đây: (1) Được thành lập hợp pháp; (2) Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ; (3) Có tài sản độc lập với

cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó; (4) Nhân danh mình tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập [23].

Hộ kinh doanh do một cá nhân thành lập có bản chất là cá nhân kinh doanh, do đó không thể là pháp nhân. Mọi tài sản của hộ kinh doanh đều là tài sản của cá nhân tạo lập nó. Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, nếu làm ăn phát đạt, thu được nhiều lợi nhuận, cá nhân tạo lập hộ kinh doanh hưởng toàn bộ số lợi nhuận đó (sau khi đã thực hiện cá nghĩa vụ tài chính và thanh toán theo quy định của pháp luật và gánh chịu mọi nghĩa vụ, cá nhân tạo lập hộ kinh doanh có thể là nguyên đơn hoặc bị đơn trong các vụ án liên quan tới hoạt động của hộ kinh doanh.

Thực chất hộ kinh doanh, do cá nhân chủ hộ hoặc các cá nhân thành viên của hộ tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh và chịu trách nhiệm về các rủi ro trong kinh doanh một cách cá nhân (hoặc liên đới giữa các cá nhân) và trực tiếp. Dù nghị định 43/2010/NĐ-CP và Nghị định 78/2015/NĐ-CP không có quy định nói về vấn đề này, nhưng thực tế hộ gia đình kinh doanh không thể nhân danh chính mình tham gia các quan hệ pháp luật.

*Thứ hai, Hộ kinh doanh là hình thức kinh doanh qui mô rất nhỏ.*

Pháp luật Việt Nam dùng quy mô làm tiêu chí để phân biệt hộ kinh doanh và doanh nghiệp. Đặc điểm này không xuất phát từ bản chất bên trong của hình thức kinh doanh này mà xuất phát từ các qui định của pháp luật Việt Nam căn cứ vào số lượng lao động được sử dụng trong hộ kinh doanh. Điều này gây tổn kém không thật cần thiết cho người kinh doanh, và có thể trái với ý chí và khả năng kinh doanh của họ. Việc buộc hộ kinh doanh sử dụng thường xuyên hơn mười lao động phải đăng ký kinh doanh dưới hình thức doanh nghiệp có lẽ chưa tính đến đặc trưng của từng ngành nghề kinh doanh. Vì với những hộ kinh doanh về lĩnh vực dịch vụ, ăn uống thì số lao động có thể lên tới hàng chục người. Các qui định trên thực chất không cho phép hộ kinh doanh mở rộng qui mô sản xuất, kinh doanh, hay

nói cách khác, hạn chế kinh doanh dưới hình thức hộ kinh doanh. Như vậy quyền tự do kinh doanh phần nào đó có sự hạn chế.

*Thứ ba, Chủ hộ kinh doanh chịu trách nhiệm vô hạn đối với các khoản nợ của hộ kinh doanh.*

Hộ kinh doanh không phải là một thực thể độc lập, tách biệt với chủ nhân của nó. Nên về nguyên tắc chủ nhân của hộ kinh doanh phải chịu trách nhiệm vô hạn đối với khoản nợ của hộ kinh doanh, có nghĩa là chủ nhân của hộ kinh doanh phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình kể cả tài sản không đưa vào kinh doanh. Theo Nghị định 78/2015 ND-CP thì chủ hộ kinh doanh được xác định là cá nhân người đứng đầu tư trong trường hợp hộ kinh doanh do cá nhân làm chủ, các thành viên trong trường hợp hộ kinh doanh do một nhóm người làm chủ hoặc tất cả các thành viên của hộ gia đình trong trường hợp hộ kinh doanh do một hộ gia đình làm chủ. Chủ hộ kinh doanh phải chịu chế độ trách nhiệm vô hạn đối với khoản nợ của hộ kinh doanh, có nghĩa là, chủ hộ kinh doanh phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình.

Nếu hộ kinh doanh đó một cá nhân làm chủ, thì người ta có thể qui kết ngay rằng cá nhân làm chủ đó phải chịu trách nhiệm vô hạn đối với các khoản nợ của hộ kinh doanh ngoài việc đưa tài sản kinh doanh ra để trả nợ, bởi trong trường hợp này hộ kinh doanh có bản chất là cá nhân kinh doanh hay thương nhân thể nhân.

Nếu hộ kinh doanh do một hộ gia đình làm chủ, thì ngoài việc đưa tài sản kinh doanh ra để trả nợ, việc xác định trách nhiệm của từng thành viên hộ gia đình cần tới các qui định của Bộ luật Dân sự 2005. Theo Bộ luật này, hộ gia đình chịu trách nhiệm bằng tài sản chung của hộ; nếu tài sản chung không đủ để thực hiện nghĩa vụ chung thì các thành viên phải chịu trách nhiệm liên đới bằng tài sản riêng của mình (Điều 110 khoản 2). Như vậy hộ kinh doanh trong trường hợp này rất gần với công ty hợp danh. Nếu hộ kinh doanh do một nhóm người làm chủ thì vấn đề có lẽ trở nên phức tạp hơn nhiều, bởi chế độ trách nhiệm của thành viên trong nhóm không được pháp luật qui định cụ

thể mà phụ thuộc vào sự giải thích. Nếu xem hộ kinh doanh do một nhóm người làm chủ là một công ty hợp danh không có tư cách pháp nhân như trên đã nói thì thành viên trong nhóm phải chịu trách nhiệm liên đới và vô hạn định đối với các khoản nợ của hộ kinh doanh.

### **1.3. Pháp luật về thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh**

#### ***1.3.1. Khái niệm pháp luật về thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh***

Pháp luật thuế GTGT bao gồm hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình thu, nộp thuế GTGT.

Căn cứ trên cơ sở pháp luật về thuế GTGT nói chung và thuế GTGT đối với hộ kinh doanh nói riêng có thể thấy pháp luật thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh được hiểu là hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình thu, nộp thuế GTGT của hộ kinh doanh. Pháp luật thuế GTGT đối với hộ kinh doanh điều chỉnh cả các quan hệ phát sinh trong quá trình quản lý thu nhập thu được từ thuế GTGT đối với hộ kinh doanh, các tranh chấp liên quan đến việc thu, nộp thuế GTGT và xử lý vi phạm pháp luật thuế GTGT của hộ kinh doanh.

Pháp luật thuế GTGT đối với hộ kinh doanh bao gồm các nhóm quy phạm như:

Nhóm các quy phạm pháp luật xác định nghĩa vụ thuế GTGT: Bao gồm những quy định về phạm vi áp dụng thuế GTGT (đối tượng chịu thuế GTGT), phạm vi không thuộc diện áp dụng thuế GTGT (đối tượng không thuộc diện chịu thuế GTGT), đối tượng nộp thuế, căn cứ và phương pháp tính thuế GTGT; khấu trừ thuế, hoàn thuế GTGT. Đây là bộ phận quy phạm pháp luật giữ vai trò quan trọng trong pháp luật thuế GTGT.

Nhóm các quy phạm pháp luật xác định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan thuế trong thu và quản lý các khoản thu được từ thuế GTGT của hộ kinh doanh.

Nhóm các quy phạm pháp luật về quản lý thuế GTGT như : đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, ấn định thuế, thủ tục hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, xóa nợ tiền thuế, tiền phạt, quản lý thông tin về người nộp thuế, kiểm tra thuế, thanh tra thuế; cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế; xử lý vi phạm pháp luật về thuế và giải quyết khiếu nại, tố cáo thuế

Nhóm các quy phạm pháp luật về giải quyết các tranh chấp phát sinh trong thu, nộp thuế GTGT.

Như vậy, pháp luật thuế GTGT đối với hộ kinh doanh, bao gồm các quy phạm pháp luật xác định nghĩa vụ thuế GTGT và các quy phạm pháp luật quản lý thuế GTGT. Cụ thể, ngoài các quy định về đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, người nộp thuế, căn cứ và phương pháp tính thuế, khấu trừ và hoàn GTGT, pháp luật thuế GTGT đối với hộ kinh doanh gồm cả các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của hộ kinh doanh trong quan hệ nộp GTGT, cũng như quy định về trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan quản lý thuế GTGT. Ngoài ra, các quy định của pháp luật quản lý thuế về đăng ký thuế, khai thuế và tính thuế, ấn định thuế, nộp thuế, hoàn thuế,... cũng được coi là bộ phận của pháp luật thuế GTGT đối với hộ kinh doanh.

### ***1.3.2. Nội dung của pháp luật thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh ở Việt Nam hiện nay***

Pháp luật thuế GTGT đối với hộ kinh doanh ở Việt Nam hiện nay quy định những vấn đề chủ yếu sau:

*Một là: Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng hộ kinh doanh:*

“Hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế GTGT, trừ các đối tượng quy định tại Điều 5 của Luật thuế GTGT”(Theo quy định tại điều 3 luật thuế GTGT 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2013). Vì vậy, bất cứ khi nào, ở đâu trên lãnh thổ Việt Nam,

hàng hóa dịch vụ có phát sinh giá trị tăng thêm do hành vi tác động của đối tượng nộp thuế thì hàng hóa, dịch vụ đó là đối tượng chịu thuế GTGT.

*Hai là: Đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng:*

Người nộp thuế theo quy định tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC là cá nhân cư trú bao gồm cá nhân, nhóm cá nhân và hộ gia đình có hoạt động SXKD hàng hóa, dịch vụ thuộc tất cả các lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh bao gồm cả một số trường hợp: Hành nghề độc lập trong những lĩnh vực, ngành nghề được cấp giấy phép hoặc chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật; Làm đại lý bán đúng giá đối với đại lý xổ số, đại lý bảo hiểm, bán hàng đa cấp của cá nhân trực tiếp ký hợp đồng với công ty xổ số kiến thiết, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp bán hàng đa cấp; Hợp tác kinh doanh với tổ chức; SXKD nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản nhưng không đáp ứng điều kiện được miễn thuế từ các khoản: Thu nhập của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản chưa qua chế biến hoặc chỉ qua sơ chế thông thường chưa chế biến thành sản phẩm khác.

Người nộp thuế nêu trên không bao gồm cá nhân kinh doanh có doanh thu từ 100 triệu đồng/năm trở xuống.

*Ba là: Phương pháp tính thuế hộ kinh doanh:*

Đối với hộ kinh doanh có hai phương pháp tính thuế là phương pháp kê khai và phương pháp khoán cụ thể sau:

- Phương pháp khoán: Đối với hộ, cá nhân kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khoán là những hộ kinh doanh không thực hiện được sổ sách kế toán, không lưu giữ được hóa đơn, chứng từ. Do đó, doanh thu khoán là doanh thu được tính cho hoạt động kinh doanh không xác định được bằng sổ sách kế toán, hóa đơn. Vì vậy, cơ quan thuế xác định doanh thu, thuế GTGT phải nộp theo tỷ lệ % trên doanh thu của hộ khoán theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 8 Nghị định 209/2013, căn cứ vào tài liệu, số liệu khai thuế của



hộ khoán, cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế, kết quả điều tra doanh thu thực tế và ý kiến của Hội đồng tư vấn thuế xã, phường. Trường hợp hộ, cá nhân nộp thuế theo phương pháp khoán kinh doanh nhiều ngành nghề thì cơ quan thuế xác định số thuế phải nộp theo tỷ lệ của hoạt động kinh doanh chính.

- Phương pháp kê khai: Đối với những hộ kinh doanh đã thực hiện đầy đủ chế độ hóa đơn, chứng từ khi bán hàng hóa, dịch vụ khi mua vào nhưng lại không có đủ hóa đơn chứng từ đối với hàng hóa, dịch vụ thì được xác định theo tỷ lệ thuế GTGT tính trên doanh thu áp dụng đối với từng lĩnh vực, ngành nghề.

- Đối với doanh nghiệp có 2 phương pháp tính thuế GTGT là : phương pháp khấu trừ và phương pháp trực tiếp

*Bốn là: Căn cứ tính thuế giá trị gia tăng:* Căn cứ tính thuế GTGT đối với hộ kinh doanh là doanh thu và tỷ lệ thuế tính trên doanh thu:

*\* Xác định số thuế giá trị gia tăng phải nộp:*

- Đối với hộ kinh doanh số thuế GTGT phải nộp được tính như sau:

Số thuế GTGT phải nộp = Doanh thu tính thuế GTGT x Tỷ lệ thuế GTGT.

Trong đó: Doanh thu tính thuế GTGT là doanh thu bao gồm thuế(trường hợp không thuộc diện chịu thuế) của toàn bộ tiền hàng, tiền gia công, tiền hoa hồng, tiền cung ứng dịch vụ phát sinh trong kỳ tính thuế từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.

Trường hợp cá nhân kinh doanh nộp thuế khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì doanh thu tính thuế được căn cứ theo doanh thu khoán và doanh thu trên hóa đơn.

- Đối với doanh nghiệp thì căn cứ tính thuế GTGT là giá tính thuế và thuế suất. Xác định số thuế GTGT phải nộp:

Số thuế GTGT phải nộp = Thuế GTGT đầu ra - Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.

*\*Thuế suất thuế giá trị gia tăng:* Là đại lượng xác định mức độ, phạm vi nghĩa vụ nộp thuế trên một đơn vị của đối tượng chịu thuế. Hay nói cách khác thuế suất là định mức thu thuế trên một đơn vị của đối tượng chịu thuế.

Thuế suất thống nhất, là loại thuế suất quy định mức nộp thuế như nhau cho tất cả đối tượng chịu thuế; Thuế suất phân biệt là loại thuế qui định các mức khác nhau cho từng đối tượng chịu thuế tùy theo định hướng của mỗi quốc gia; Thuế suất đơn vị là thuế suất được qui định theo đơn vị vật lý của đối tượng chịu thuế không phụ thuộc vào đối tượng chịu thuế; Thuế suất theo qui định tỷ lệ phần trăm huy động trên một đơn vị giá trị đối tượng chịu thuế. Tùy vào đặc điểm kinh tế của mỗi quốc gia khác nhau đều lựa chọn mức và số lượng thuế suất khác nhau, nhưng thuế suất tiêu chuẩn áp dụng rộng rãi đối với hàng hóa dịch vụ ngoài thuế suất 0% là hàng hóa dịch vụ xuất khẩu.

Trên thực tế việc áp dụng và quy định các mức thuế suất áp dụng đối với một số nhóm hàng hóa, dịch vụ chưa phù hợp và Chính phủ đang từng bước sửa đổi, bổ sung các mức thuế suất cho phù hợp với từng loại hàng hóa, dịch vụ cụ thể. Do đó tùy theo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn cụ thể, thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với các loại hàng hóa, dịch vụ là khác nhau. Theo quy định tại Khoản 2, Điều 2, Thông tư 92/2015/TT – BTC thì tỷ lệ thuế tính trên doanh thu gồm tỷ lệ thuế GTGT áp dụng đối với từng lĩnh vực ngành nghề của hộ kinh doanh như sau:

- Phân phối, cung cấp hàng hóa: tỷ lệ thuế GTGT là 1%;
- Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: tỷ lệ thuế GTGT là 5%;
- Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: tỷ lệ thuế GTGT là 3%;
- Hoạt động kinh doanh khác: tỷ lệ thuế GTGT là 2%.

Có thể nói hộ kinh doanh sử dụng 04 mức thuế còn đối với doanh nghiệp thì mức thuế suất thuế GTGT tùy vào từng loại hàng hóa, sản phẩm và dịch vụ mà có các mức thuế GTGT là: 0%; 5% và 10% .

*\*Thời điểm xác định doanh thu tính thuế hộ kinh doanh:*

Đối với doanh thu tính thuế thì thời điểm cá nhân thực hiện việc xác định doanh thu là từ ngày 20/11 đến ngày 15/12 của năm trước năm tính thuế.

Đối với các nhân kinh doanh nộp thuế khoán mới ra kinh doanh (không hoạt động từ đầu năm) hoặc cá nhân thay đổi quy mô, ngành nghề kinh doanh trong năm thì thời điểm thực hiện việc xác định doanh thu tính thuế khoán của năm trong vòng 10 ngày kể từ ngày bắt đầu kinh doanh hoặc ngày thay đổi quy mô, ngành nghề kinh doanh.

Đối với doanh thu theo hóa đơn thì thời điểm xác định doanh thu tính thuế thực hiện theo hướng dẫn tại điểm d, khoản 2 Điều 3 Thông tư 92/2015/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 15/6/2015 như sau:

+ Đối với hoạt động bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hóa hoặc thời điểm lập hóa đơn bán hàng nếu thời điểm lập hóa đơn trước thời điểm lập hóa đơn trước thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hóa.

+ Đối với hoạt động vận tải, cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ cho người mua hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ nếu thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ trước thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ.

+ Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành.

*Năm là: Miễn, giảm thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh: Các trường hợp miễn, giảm thuế khoán là:*

\* Cá nhân kinh doanh nộp thuế khoán ngừng/nghỉ kinh doanh Trường hợp cá nhân nộp thuế khoán ngừng/nghỉ kinh doanh thì thông báo ngừng/nghỉ kinh doanh đến cơ quan thuế chậm nhất là một ngày trước khi ngừng/nghỉ kinh doanh. Cơ quan thuế căn cứ vào thời gian ngừng/nghỉ kinh doanh của cá nhân nộp thuế khoán để xác định số tiền thuế khoán được giảm và ban hành

Quyết định giảm thuế theo mẫu số 03/MGTH hoặc Thông báo không được giảm thuế mẫu số 04/MGTH ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC Số thuế khoán được giảm xác định như sau:

Trường hợp cá nhân nộp thuế khoán nghỉ liên tục từ trọn 01 (một) tháng (từ ngày mùng 01 đến hết ngày cuối cùng của tháng đó) trở lên được giảm 1/3 số thuế khoán phải nộp của quý; nếu nghỉ liên tục trọn 02 (hai) tháng trở lên được giảm 2/3 số thuế khoán phải nộp của quý, nếu nghỉ trọn quý được giảm toàn bộ số thuế khoán phải nộp của quý. Trường hợp cá nhân nộp thuế khoán ngừng/nghỉ kinh doanh không trọn tháng thì không được giảm thuế khoán phải nộp của tháng.

\* Cá nhân kinh doanh nộp thuế khoán bị thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo

Trường hợp cá nhân nộp thuế khoán bị thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo thì gửi văn bản đề nghị miễn (giảm) thuế theo mẫu số 01/MGTH ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC đến cơ quan thuế chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.

Cơ quan thuế căn cứ hồ sơ miễn (giảm) thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn hiện hành để xét giảm thuế tương ứng với mức độ thiệt hại nhưng không vượt quá số thuế phải nộp.

\* Cá nhân kinh doanh nộp thuế khoán chuyển đổi hình thức khai thuế. Cá nhân kinh doanh đang nộp thuế theo phương pháp khoán nếu có yêu cầu chuyển đổi hình thức khai thuế theo từng lần phát sinh thì cơ quan thuế chấm dứt quản lý thuế đối với cá nhân theo phương pháp khoán và thực hiện thủ tục giảm thuế khoán theo hướng dẫn như với cá nhân ngừng/nghỉ kinh doanh hướng dẫn tại điểm a khoản 11 Điều 6 thông tư 92/2015/TT-BTC đối với số tháng không nộp thuế theo phương pháp khoán.

*Sáu là: Một số nội dung khác về công tác quản lý thuế đối với hộ kinh doanh nộp thuế khoán.*

a) Cá nhân kinh doanh sử dụng thường xuyên từ 10 lao động trở lên phải thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp; trường hợp chưa thành lập doanh nghiệp, cơ quan thuế ấn định theo quy định của pháp luật về quản lý thuế đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán, đồng thời cơ quan thuế có trách nhiệm lập danh sách những cá nhân kinh doanh này báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh.

b) Cơ quan Thuế có trách nhiệm cấp mã số thuế cho cá nhân kinh doanh dựa trên thông tin tại hồ sơ khai thuế của cá nhân và thực hiện quy trình quản lý thuế đối với cá nhân kinh doanh trên ứng dụng quản lý thuế tập trung của ngành thuế.

c) Cục Thuế có trách nhiệm xây dựng bộ tiêu chí rủi ro đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán theo từng đối tượng, địa bàn quản lý dựa trên một số tiêu chí rủi ro như:

- Cá nhân nộp thuế khoán kinh doanh tại chợ biên giới;
- Cá nhân nộp thuế khoán kinh doanh vật liệu xây dựng có nguồn gốc tài nguyên khoáng sản (cát, đá, sỏi, gỗ, sản phẩm từ gỗ,...);
- Cá nhân kinh doanh có mức doanh thu tính thuế bất hợp lý so với chi phí (diện tích kinh doanh, thuê địa điểm, giá trị tài sản, trang thiết bị, cửa hàng, kho tàng, chi phí điện, chi phí nước,...); so với số phương tiện vận tải đang sử dụng; so với số lượng lao động; so với hàng hóa (hàng hóa mua vào, hàng hóa trưng bày, hàng hóa tồn kho,...);
- Cá nhân nộp thuế khoán nhưng thường xuyên sử dụng từ 10 lao động trở lên nhưng không thành lập doanh nghiệp;
- Cá nhân nộp thuế khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế;
- Cá nhân nộp thuế khoán có từ hai (02) địa điểm kinh doanh trở lên;
- Cá nhân nộp thuế khoán nợ thuế.

d) Chi cục Thuế có trách nhiệm cập nhật kịp thời các thông tin biến động trong quá trình quản lý đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế khoán.

Định kỳ đến ngày 01 tháng 11 hằng năm, các Chi cục Thuế, Cục Thuế phải xây dựng xong cơ sở dữ liệu về cá nhân kinh doanh nộp thuế khoán (bao gồm cả cá nhân kinh doanh trong danh sách cá nhân thuộc diện không phải nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân) trên cơ sở thông tin từ hồ sơ của người nộp thuế, kết quả số liệu xác minh, kiểm tra, thanh tra của cơ quan thuế và thông tin từ các cơ quan quản lý nhà nước liên quan.

e) Tổng cục Thuế hướng dẫn quy trình, trình tự, phương pháp xây dựng và quản lý sử dụng cơ sở dữ liệu về người nộp thuế khoán theo quy định của Bộ Tài chính để phục vụ công tác quản lý rủi ro trong kiểm tra, thu thuế.

*Bây là, quy định về chế độ kế toán và hóa đơn*

Đối với hộ kinh doanh việc kê khai, nộp thuế được phân loại thành hai loại: Hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai và Hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán.

- *Hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai*: là các hộ kinh doanh đã thực hiện đăng ký kinh doanh và được cấp mã số thuế phải tuân thủ các bước sau:

+ Thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, lưu giữ đầy đủ hóa đơn, chứng từ khi mua, bán hàng hóa, dịch vụ và xác định được doanh thu, chi phí; hoặc

+ Thực hiện lưu giữ hóa đơn, chứng từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và xác định được doanh thu nhưng không có đủ hóa đơn, chứng từ mua hàng hóa, dịch vụ đầu vào, không xác định được chi phí và giá trị gia tăng.

+ Thực hiện kê khai, nộp tờ khai thuế theo qui định.

- *Hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán là các hộ kinh doanh*:

+ Không có đăng ký kinh doanh hoặc không phải đăng ký kinh doanh, không đăng ký thuế;

+ Không thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn chứng từ;

+ Có mở sổ kế toán, nhưng thực hiện không đúng chế độ kế toán, không thực hiện đúng quy định về chế độ hóa đơn, chứng từ khi mua bán hàng hóa, dịch vụ;

+ Không thực hiện nộp tờ khai thuế theo qui định, hoặc nộp tờ khai thuế nhưng số liệu khai thuế không chính xác, không trung thực; cơ quan thuế không thể căn cứ vào sổ sách kế toán, hóa đơn chứng từ để xác định số thuế phải nộp phù hợp với thực tế kinh doanh.

+ Việc xác định doanh thu và mức thuế khoán được thực hiện theo quy trình rất chặt chẽ và có sự tham gia của Hội đồng tư vấn thuế xã/phường/ thị trấn, giám sát của chính quyền địa phương. Đối với Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tham vấn ý kiến với cơ quan thuế trước khi duyệt mức doanh thu và thuế khoán đã được quy định tại Luật Quản lý thuế. Căn cứ vào doanh thu kinh doanh, Đội thuế liên xã phường ( LXP ) phân loại hộ kinh doanh nộp thuế khoán theo nhóm: Hộ kinh doanh thuộc diện không phải nộp thuế GTGT, hộ kinh doanh thuộc diện nộp thuế khoán...Ngoài ra, tùy theo yêu cầu quản lý thực tế tại địa phương. Đội thuế LXP có thể phân theo bậc môn bài, theo địa bàn kinh doanh hoặc theo các nhóm ngành nghề kinh doanh...cho phù hợp.

Đặc biệt, đối với hộ kinh doanh nộp thuế theo hình thức nào thì việc thực hiện công tác lập sổ bộ và duyệt bộ hàng tháng có sự phối hợp của Đội thuế liên phường và hội đồng tư vấn phường, xã.

*- Thời điểm xuất hóa đơn (Đối với hộ kinh doanh tính thuế theo phương pháp kê khai có sử dụng hóa đơn quyền):*

Thời điểm xuất phát hóa đơn là thời điểm phát hành hóa đơn GTGT cho người mua, kể từ thời điểm này người cung cấp hàng hóa, dịch vụ có quyền đòi thanh toán, tức có sự thừa nhận giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Thời điểm này coi như thu nhập của người cung cấp hàng hóa, dịch vụ đã được xác định. Vì vậy, người cung cấp hàng hóa, dịch vụ có khả năng về tài

chính để thực hiện nghĩa vụ nộp thuế - đặc biệt thuế gián thu nhằm động viên trước một phần thu nhập quốc dân để đáp ứng nhu cầu chi tiêu của nhà nước.

Tất nhiên cách xác định này cũng gặp phải những vướng mắc, như trong trường hợp hàng hóa, dịch vụ chưa được cung cấp nhưng đã xuất hóa đơn hoặc thanh toán tiền trước nhưng chưa xuất hóa đơn. Đặc biệt trong trường hợp hàng hóa chưa được giao đã xuất hóa đơn dẫn đến việc mua bán hóa đơn lòng vòng với nhau khi không có hoạt động chuyển giao hàng hóa chịu thuế thực tế xảy ra để chiếm dụng vốn NSNN thông qua cơ chế khấu trừ thuế đầu vào hoặc hoàn thuế.

### **Kết luận chương 1**

Trong chương 1 luận văn đã đưa ra những khái niệm về luật thuế giá trị gia tăng, khái niệm về hộ kinh doanh để từ đó đưa ra những khái niệm pháp luật về thuế GTGT đối với hộ kinh doanh cũng như hệ các bộ phận hợp thành của thuế GTGT, đặc điểm vai trò của luật pháp về thuế GTGT. Luận văn cũng chỉ rõ hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật và cơ sở pháp lý của pháp luật về thuế GTGT, về hộ kinh doanh và pháp luật về thuế GTGT đối với hộ kinh doanh.

Ngoài ra, luận văn cũng nêu rõ những điều chỉnh của pháp luật về thuế GTGT đối với hộ kinh doanh xuất phát từ đặc điểm, tính chất của quan hệ thuế và tính chất phức tạp của việc chuyển dịch thuế GTGT do những đòi hỏi thiết yếu khi hội nhập của Việt Nam.



## **Chương 2**

### **THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH TỪ THỰC TIỄN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

#### **2.1. Điều kiện tự nhiên – kinh tế xã hội và đặc thù hộ kinh doanh trên địa bàn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**

##### ***2.1.1. Điều kiện tự nhiên – kinh tế xã hội của quận Hà Đông, thành phố Hà Nội***

Quận có diện tích tự nhiên 4.833,7 ha và 17 đơn vị hành chính phường. Phía Bắc giáp huyện Từ Liêm và huyện Hoài Đức; Phía Nam giáp huyện Thanh Oai và huyện Chương Mỹ; Phía Đông giáp huyện Thanh Trì và quận Thanh Xuân; Phía Tây giáp huyện Hoài Đức và huyện Quốc Oai.

Quận Hà Đông với vị trí là trung tâm chính trị - kinh tế của tỉnh Hà Tây trước đây, nay là một quận nội thành quan trọng phía Tây Nam Thủ đô Hà Nội. Trong 5 năm qua, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân quận Hà Đông đã chủ động, tích cực và sáng tạo trong triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, Nghị quyết Đại hội XV Đảng bộ TP Hà Nội, Nghị quyết Đại hội lần thứ XIX Đảng bộ Quận.

Quận Hà Đông bao gồm 17 phường có tổng diện tích 48,33km<sup>2</sup>, dân số 274.288 người, có 75.877 hộ, mật độ dân số 5.674 người/km<sup>2</sup> theo niên giám thống kê quận Hà Đông năm 2013.

Có thể nói quận Hà Đông hội tụ nhiều điều kiện để phát triển KT - XH theo hướng CNH - HĐH, sớm hội nhập vào xu thế chung của cả nước và hợp tác quốc tế.

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hà Nội cũng đã xác định rõ quận Hà Đông cùng các chuỗi đô thị Miếu Môn - Xuân Mai - Hòa Lạc - Sơn Tây sẽ là vành đai vệ tinh phát triển không gian của

thành phố Hà Nội, là một điểm nhấn của Hà Nội trong định hướng phát triển không gian vùng đô thị Hà Nội mở rộng, tác động lan tỏa ra các vùng lân cận thành các trục phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

**Bảng 2.1. Tổng giá trị gia tăng và cơ cấu kinh tế quận Hà Đông năm 2011-2016**

TT	Chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014	2015	2016
1	Tổng giá trị gia tăng (tỷ đồng)	22,12	26,55	18,91	17,94	17,66	18,24
2	Cơ cấu kinh tế (%)	100	100	100	100	100	100
	Thương mại - Dịch vụ	22,36	27,2	19,5	18,3	18,2	18,7
	Công nghiệp - Xây dựng	21,98	26,2	18,9	17,8	17,4	18,0
	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	-0,65	12,46	-29,55	-12,66	-4,6	1,92
3	Thu nhập bình quân đầu người/năm (Trđ/người)	53,859	58,792	61,327	63,550	70,122	90,480

*Nguồn: Báo cáo kết quả phát triển KT-XH của UBND quận Hà Đông, 2011-2016*

Bảng 2.1 cho thấy tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng của quận năm sau cao hơn năm trước và đều vượt so với chỉ tiêu đề ra. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tăng dần tỷ trọng công nghiệp xây dựng, dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Tiềm năng, sức sản xuất xã hội được khơi dậy, nguồn lực đầu tư sản xuất được huy động tốt hơn; cơ sở vật chất kỹ thuật, kết cấu hạ tầng đô thị được chú trọng đầu tư nâng cấp, bộ mặt quận có nhiều khởi sắc.

Tập trung triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chương trình công tác lớn của Quận ủy và Thành ủy Hà Nội trong lĩnh vực phát triển kinh tế, vượt lên những khó khăn, thách thức do hậu quả khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu, kinh tế quận Hà Đông tiếp tục tăng trưởng khá. Bình quân 5 năm (2011 - 2016), tổng giá trị sản xuất trên địa bàn của một số ngành chủ yếu năm 2011 đạt 34.802 tỷ 50 triệu đồng, năm 2015 đạt 72.674 tỷ 640 triệu đồng, năm 2016 đạt 85.931 tỷ 260 triệu đồng, tăng 19,8%/năm. Đây

là mức tăng trưởng khá, ghi nhận nỗ lực của toàn thể lãnh đạo, cán bộ và nhân dân quận Hà Đông. Thu nhập bình quân đầu người hàng năm tăng: năm 2011 đạt 53,859 triệu đồng/người, năm 2015 đạt 70,122 triệu đồng, năm 2016 đạt 90,480 triệu đồng/người (Vượt 0,48 triệu đồng/người/năm so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ quận lần thứ XIX).

Cơ cấu ngành kinh tế chuyển biến tích cực theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp; năm 2015: tỷ trọng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng 56,01%, thương mại - du lịch - dịch vụ 43,89%, nông nghiệp 0,10%; đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá hiện đại hoá, ưu tiên phát triển các ngành, lĩnh vực trình độ cao, chất lượng cao.

### ***2.1.2. Đặc thù của hộ kinh doanh trên địa bàn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội***

Trong các năm qua là do quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng kể từ khi tỉnh Hà Tây cũ chuyển thành quận Hà Đông của thủ đô Hà Nội, tốc độ đô thị hóa trên địa bàn quận diễn ra nhanh chóng hơn. Là quận nội thành của Thủ đô, quỹ đất sản xuất nông nghiệp của quận ngày một thu hẹp dần nhường chỗ cho các khu đô thị, khu công nghiệp động trên địa bàn quận, đặc biệt là đối với những phường mà người nông dân bị thu hồi đất sản xuất nông nghiệp. Vì vậy, các hộ kinh doanh trên địa bàn quận hầu như là những người dân địa phương nên trình độ hiểu biết pháp luật về thuế còn nhiều hạn chế.

Đặc thù hộ kinh doanh ở quận Hà Đông là quy mô sản xuất nhỏ, phân tán, manh mún, do đó khó có thể thống kê một cách chính xác. Các hộ kinh doanh tập trung đông ở những phường có nhiều khu đô thị, chợ búa, trường học.

Với những tiền đề về chính sách, về điều kiện tự nhiên thuận lợi nên tăng trưởng kinh tế của tỉnh trong những năm gần đây đã có những bước tiến đáng kể. Tuy nhiên trong việc thực hiện các quy định pháp luật về thuế nói chung và thuế GTGT nói riêng của người dân, hộ kinh doanh đa số thực hiện thanh toán chủ yếu là tiền mặt, người dân chưa có thói quen lấy hóa đơn khi

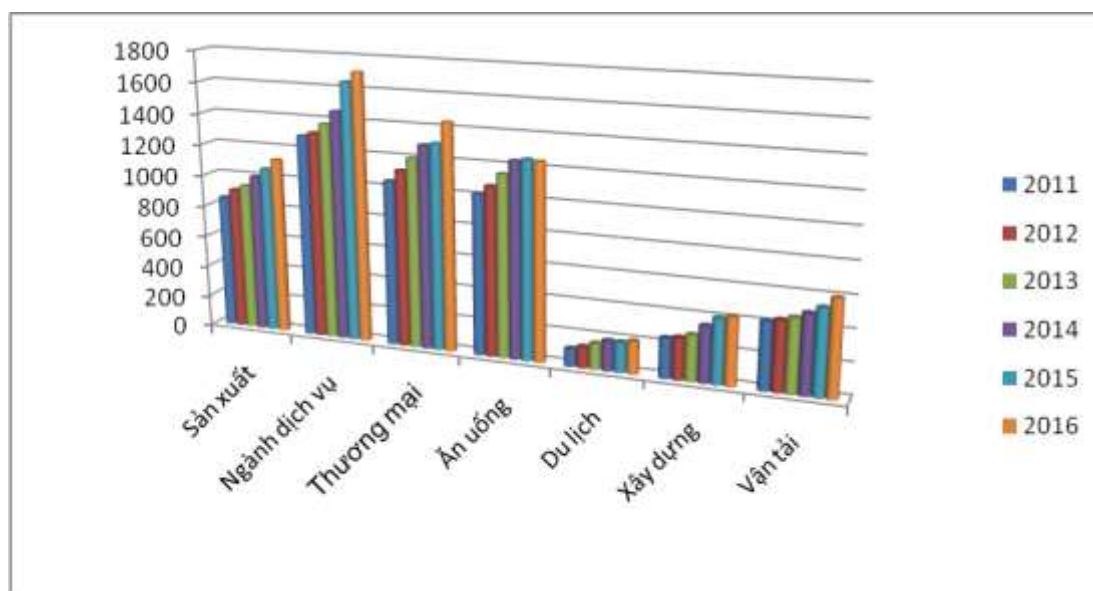
mua hàng trong khi hóa đơn chứng từ là một trong những điều kiện kiên quyết thực hiện thành công sắc thuế GTGT, đồng thời việc tìm hiểu, tiếp thu và thực hiện các quy định của pháp luật thuế cũng còn hạn chế.

Trong các loại hình sản xuất, kinh doanh trên địa bàn quận, các hộ cá thể là đối tượng kinh doanh chủ yếu. Hiện nay, trên toàn bộ quận có 6.749 hộ kinh doanh phân bố rải rác trên khắp các phường, chợ. Trong số 17 phường, thì phường Kiến Hưng là phường có số hộ kinh doanh cao nhất 1.044 hộ, thấp nhất là phường Đồng Mai có 70 hộ. Trong số các chợ lớn là: chợ Hà Đông, chợ Văn Quán, chợ Vạn Phúc, thì chợ Hà Đông có số lượng tư thương cao nhất với 1.267 hộ kinh doanh. Các hộ kinh doanh hoạt động chủ yếu trong các ngành nghề thương mại, dịch vụ, ăn uống, tiểu thủ công nghiệp vì đây là các ngành, lĩnh vực có thị trường lớn, đòi hỏi vốn đầu tư không nhiều, phù hợp với nguồn vốn còn hạn hẹp ủa phần đông các hộ, khả năng quay vòng vốn nhanh, hạn chế được rủi ro, tỷ suất lợi nhuận cao (trong khi lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác thì cạnh tranh lớn, rủi ro cao, thị trường hẹp ...), phù hợp với triết lý khá phổ biến của các hộ "vốn ít, lãi nhiều, quay vòng nhanh, rủi ro thấp". Sự tập trung của các hộ kinh doanh vào các lĩnh vực thương mại - dịch vụ đã góp phần đáp ứng được nhiều nhu cầu về đời sống vật chất, văn hoá của nhân dân, có tác dụng thúc đẩy trở lại đối với sản xuất. Với sự phát triển mạnh mẽ cả về số lượng lẫn quy mô, các hộ kinh doanh đã đóng góp một phần đáng kể vào tổng thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn quận. Hàng năm, số thu từ hộ kinh doanh thường chiếm khoảng trên 50% trong tổng thu Ngân sách Nhà nước và ngày một tăng qua các năm. Song, với một số lượng lớn hộ kinh doanh đó đã khiến cho công tác quản lý thu thuế trở nên vô cùng phức tạp và bộc lộ nhiều hạn chế.

Trên thực tế khó có thể thống kê hết số hộ đang hoạt động kinh doanh trên địa bàn quận Hà Đông. Tuy nhiên theo ước tính của Chi cục thuế quận Hà Đông thì hiện nay có khoảng gần 10.000 hộ kinh doanh đang hoạt động.

Hơn thế nữa, các hộ kinh doanh cũng tăng đều hàng năm, trong đó tỷ trọng hộ kinh doanh phân phối, cung cấp hàng hóa trên địa bàn do chi cục thuế Hà Đông quản lý cũng tăng đều hàng năm. Các loại hình kinh doanh điển hình của các hộ là phân phối cung cấp hàng hóa dịch vụ, xây dựng, nguyên vật liệu xây dựng, hàng ăn uống, thực phẩm .

**Biểu đồ 2.1: Tổng hợp hộ kinh doanh trên địa bàn Quận Hà Đông phân theo loại hình kinh doanh giai đoạn 2011-2016.**



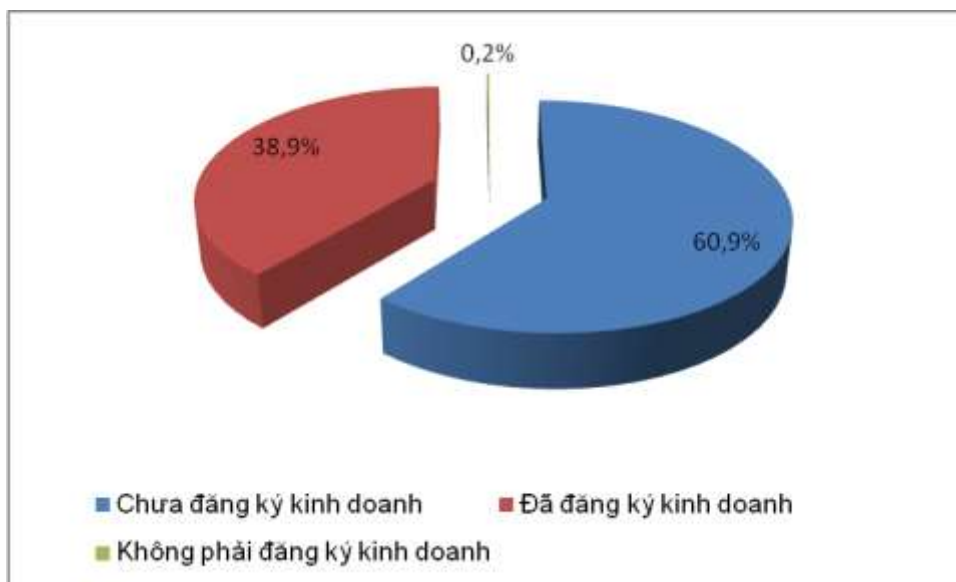
*Nguồn: Chi cục thuế Quận Hà Đông*

Qua Biểu đồ 2.1 cho thấy năm 2011, toàn Quận Hà Đông có 4.985 hộ kinh doanh đang hoạt động trong đó ngành dịch vụ có 1.290 hộ chiếm 25,9%, tiếp đó là ngành thương mại chiếm 21%, thấp nhất là ngành du lịch chiếm 2,2%; năm 2012 có 5.246 hộ kinh doanh tăng 261 hộ so với năm 2011 số hộ kinh doanh các ngành có tỷ lệ cao như ngành dịch vụ, ngành thương mại và ngành ăn uống, thấp nhất là ngành du lịch, năm 2016 có 6.749 hộ tăng 350 hộ so với năm 2015. Như vậy có thể thấy số hộ kinh doanh cá thể có mức tăng đều hàng năm. Phần lớn các loại hình kinh doanh đều có sự gia tăng về số lượng. Trong đó số hộ kinh doanh ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn nhất.

Cơ cấu hộ kinh doanh theo tình trạng đăng ký kinh doanh thì hộ chưa có địa điểm kinh doanh cố định vẫn chiếm tỷ trọng lớn

**Biểu đồ 2.2: Cơ cấu hộ kinh doanh có địa điểm cố định theo tình trạng đăng ký kinh doanh năm 2013**

ĐVT: Hộ



(Nguồn: Báo cáo thống kê quận Hà Đông qua các năm) [3,4,5,6]

Biểu đồ 2.2 ta thấy số hộ kinh doanh có địa điểm cố định trên địa bàn quận Hà Đông hiện nay thì số lượng hộ chưa có đăng ký kinh doanh vẫn chiếm tỷ trọng lớn, khoảng 60,9%. Nếu trừ bỏ số hộ không cần đăng ký kinh doanh chiếm khoảng 0,2% thì mới có khoảng 38,9% số hộ kinh doanh tiến hành đăng ký kinh doanh. Điều này đã gây khó khăn cho công tác quản lý hộ kinh doanh trên địa bàn của quận trong thời gian qua.

Chính vì vậy, hoạt động của các hộ kinh doanh còn nhiều tiêu cực, khó kiểm soát, tính tự phát còn mạnh. Trong điều kiện nền kinh tế nước ta đang trong quá trình chuyển sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thị trường chưa đồng bộ, còn nhiều tiêu cực, trình độ quản lý còn nhiều hạn chế thì mặt trái của cơ chế thị trường tác động ngày càng mạnh. Do vậy, bên cạnh những hộ kinh doanh chấp hành pháp luật, làm ăn chính đáng, có hiệu quả,

đóng góp tích cực vào nền kinh tế của quận thì vẫn còn có những cơ sở hoạt động yếu kém, không chấp hành những quy định của pháp luật. Hiện tượng nhiều hộ kinh doanh không thực hiện đúng những quy định về ghi chép sổ sách kế toán, việc tăng giảm vốn còn tùy tiện, khai báo sai doanh thu vẫn diễn ra phổ biến. Hoặc một số đơn vị đăng ký kinh doanh mặt hàng này nhưng thực tế lại chuyển sang kinh doanh mặt hàng khác, một số cơ sở đã đăng ký kinh doanh nhưng không rõ địa chỉ hoạt động... Ngoài ra, do năng lực cạnh tranh hạn chế, vốn không nhiều nên dễ tồn tại và phát triển, nhiều hộ hộ kinh doanh phải tìm cách làm ăn không chính đáng như: làm hàng nhái, hàng giả nhằm lợi dụng thương hiệu của các doanh nghiệp có uy tín, trốn thuế, lậu thuế.

## **2.2. Một số nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện pháp luật về thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh trên địa bàn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.**

Luật thuế giá trị gia tăng ra đời đã đánh dấu một bước ngoặt lớn trong việc cải cách cơ chế quản lý kinh tế tài chính đặc biệt là chính sách thuế của Nhà nước. Thuế GTGT đã góp phần to lớn vào sự phát triển của kinh tế đất nước: khuyến khích đầu tư ở nước ngoài, mở rộng khuyến khích và phát triển xuất khẩu thúc đẩy sản xuất kinh doanh, tạo nguồn thu ổn định và ngày càng tăng của NSNN. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được trong quá trình thực hiện đã phát sinh nhiều vướng mắc làm giảm hiệu ứng tích cực của thuế GTGT. Các chủ thể nộp thuế đã lợi dụng kẽ hở trong luật thuế để chiếm đoạt tiền của Nhà nước lên tới con số hàng tỷ đồng về hồ sơ hoàn thuế không. Công tác quản lý thuế GTGT đối với doanh nghiệp nói chung và đối với hộ kinh doanh nói riêng là công việc phức tạp chịu sự chi phối của nhiều nhân tố khác nhau. Về cơ bản các yếu tố ảnh hưởng tới việc thực hiện pháp luật thuế GTGT đối với hộ kinh doanh gồm các nhân tố sau:

### ***2.2.1. Hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh thuế GTGT đối với hộ kinh doanh.***

*Thứ nhất*, Hệ thống chính sách pháp luật thuế GTGT. Quá trình tổ chức thực hiện pháp luật thuế GTGT đều phải dựa trên cơ sở các quy định của pháp luật. Một hệ thống pháp luật thuế hoàn thiện, ổn định sẽ là nền tảng để nâng cao chất lượng hiệu quả của việc tổ chức thực hiện pháp luật thuế GTGT. Ngược lại, nếu pháp luật thuế nói chung và pháp luật thuế GTGT nói riêng không hợp lý, không phù hợp thực tiễn khi đó sẽ gây nhiều khó khăn trong việc tổ chức thực hiện pháp luật thuế GTGT của các cơ quan quản lý thuế.

*Thứ hai*, Trình độ phát triển của nền kinh tế, số lượng và quy mô các giao dịch kinh tế của hộ kinh doanh. Nền kinh tế càng phát triển thì số lượng các doanh nghiệp và kinh doanh càng tăng, số lượng các giao dịch kinh tế càng nhiều, loại hình hàng hóa, dịch vụ giao dịch càng lớn. Điều này có nghĩa là kinh tế càng phát triển thì khối lượng công tác quản lý thuế GTGT càng nhiều, đối tượng quản lý ngày càng phức tạp. Ở nền kinh tế phát triển thấp thì khối lượng công việc quản lý ít hơn. Tuy nhiên, ở nền kinh tế phát triển thấp thì mức độ chấp hành pháp luật thuế của NNT thường thấp hơn.

*Thứ ba*, Trình độ dân trí và ý thức tuân thủ pháp luật của người nộp thuế. Đây là một vấn đề có ảnh hưởng quan trọng đến công tác quản lý thuế của cơ quan thuế khi thực hiện cơ chế NNT tự tính, tự kê khai, tự nộp thuế. Cơ chế này đòi hỏi cao ý thức và trách nhiệm của NNT khi thực hiện nghĩa vụ thuế. Trình độ dân trí càng cao thì ý thức chấp hành pháp luật của NNT càng cao thì công tác quản lý thuế nói chung và công tác quản lý thuế giá trị gia tăng nói riêng càng thuận lợi và ngược lại. Tuy nhiên, với mục đích chính là kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận nên phần lớn các doanh nghiệp cũng như hộ kinh doanh vẫn coi thuế là gánh nặng trong hoạt động kinh doanh, vẫn còn tình trạng nhiều doanh nghiệp, nhiều hộ kinh doanh luôn tìm cách trốn thuế, nộp chậm gây khó khăn cho công tác quản lý thuế của cơ quan thuế, dẫn đến



tình trạng NSNN thu không đủ số thu trong kì, hoặc nhiều trường hợp không thu được vẫn còn phổ biến và gây thất thu cho NSNN.

*Thứ tư*, tổ chức bộ máy quản lý thuế, trình độ của cán bộ quản lý thuế GTGT. Hiện nay, ở Việt Nam đang thực hiện cơ chế NNT tự khai, tự nộp, nên đòi hỏi một số lượng lớn cán bộ kiểm tra thuế để kiểm soát tính trung thực trong việc thực hiện nghĩa vụ của NNT, trình độ cán bộ thuế sẽ là nhân tố ảnh hưởng lớn đến tổ chức quản lý thuế GTGT cũng như việc hướng dẫn các doanh nghiệp trong quá trình thực hiện. Một số đội ngũ cán bộ thuế mạnh về số lượng và chất lượng sẽ là nhân tố quyết định đến hiệu quả của quản lý thuế GTGT. Thực tế hiện nay ở Việt Nam, tổ chức bộ máy quản lý thuế về trình độ, năng lực quản lý thuế của các cơ quan do quá trình cải cách của ngành thuế diễn ra nhanh chóng, các thủ tục hành chính được cắt bỏ hoặc đơn giản một cách mạnh mẽ, số giờ nộp thuế được rút ngắn đáng kể. Đi kèm với đó thì khối lượng công việc đối với công chức tăng lên. Một số cán bộ công chức chưa kịp thay đổi phương pháp, kỹ năng đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý do đó năng suất lao động chưa cao, hiệu quả giải quyết công việc còn chậm. Vì vậy, việc nắm bắt thông tin chưa kịp thời dẫn đến truyền đạt đến các hộ kinh doanh còn hạn chế nên hiệu quả công việc chưa cao. Công tác thu nợ và cưỡng chế thuế của các hộ kinh doanh khá phổ biến nhưng cơ quan thuế lại chưa có bộ phận chuyên trách thực hiện chức năng thu nợ. Chưa có chế tài để thu nợ đối với các hộ kinh doanh. Công tác tuyên truyền còn yếu kém, chưa sát sao nên các hộ kinh doanh chưa hiểu rõ luật thuế.

*Thứ năm*, công tác kế toán của hộ kinh doanh cùng với sự hiểu biết của hộ kinh doanh về pháp luật: Hầu hết các hộ kinh doanh ở nước ta hiện nay có quy mô kinh doanh nhỏ và rất nhỏ, do vậy vấn đề tổ chức kế toán còn nhiều hạn chế, nhiều hộ kinh doanh không thực hiện công tác kế toán, không có nhân viên làm công tác kế toán, hoặc trình độ nhân viên kế toán còn hạn chế, điều đó ảnh hưởng không nhỏ tới công tác hạch toán kế toán của hộ kinh

doanh và quản lý thuế GTGT. Đồng thời, đó cũng là yếu tố ảnh hưởng tới việc thực hiện pháp luật thuế GTGT cũng như công tác quản lý thuế của cơ quan thuế. Mặt khác, sự hiểu biết của hộ kinh doanh về pháp luật thuế nói chung và pháp luật thuế GTGT nói riêng cũng như pháp luật kế toán còn nhiều hạn chế, dẫn đến tồn tại nhiều sai phạm trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thuế GTGT. Các sai phạm này có rất nhiều hình thức và mức độ sai phạm khác nhau ảnh hưởng đến số thuế phải nộp NSNN.

Hệ thống văn bản pháp lý điều chỉnh về thuế GTGT đối với hộ kinh doanh nói chung còn thiếu và nhiều bất cập. Hệ thống luật pháp chưa hoàn thiện nên đã tạo kẽ hở cho hộ kinh doanh vi phạm pháp luật, như: làm hàng giả, buôn lậu, trốn thuế... phát huy những bản chất tư hữu vốn có của nó, làm ảnh hưởng tiêu cực đối với sự phát triển kinh tế, xã hội cũng như đến lợi ích của người tiêu dùng và các đơn vị kinh doanh khác.

Quản lý nhà nước đối với hộ kinh doanh thực hiện pháp luật thuế GTGT nói chung chưa chặt chẽ và không rõ ràng. Bộ máy quản lý chưa được sắp xếp theo yêu cầu của thể chế mới, đang còn nhiều trường hợp trùng lặp, chồng chéo nhau trong quản lý giữa các ban ngành đối với hộ kinh doanh. Ví dụ: Phòng Tài chính, phòng Công thương, phòng Kinh tế trực thuộc UBND quận đều cùng chịu trách nhiệm quản lý hộ kinh doanh nhưng không phòng nào chịu trách nhiệm chính.

Còn tồn tại nhiều thủ tục hành chính phức tạp, phiền hà nên đã không khuyến khích được các hộ kinh doanh huy động nguồn vốn đầu tư vào sản xuất kinh doanh. Nạn quan liêu giấy tờ với những thủ tục phiền hà, sách nhiễu dân của các cơ quan và công chức hành chính đã là rào cản, cản trở sự phát triển của hộ kinh doanh, làm nản lòng người muốn lập nghiệp.

Chính sách tài chính tín dụng, chính sách thuế và các tổ chức hỗ trợ thị trường, khoa học, công nghệ cho hộ kinh doanh nói chung còn thiếu và yếu kém.

Về tài chính tín dụng: Khả năng tiếp cận vốn tín dụng của hộ kinh doanh nói chung rất khó khăn do thủ tục thế chấp vẫn chưa được giải quyết có lợi cho họ. Thể chế tín dụng ngân hàng chưa làm được vai trò hỗ trợ, giúp đỡ cho hộ kinh doanh phát triển.

Ngoài ra, nhà nước còn thiếu các tổ chức hỗ trợ thị trường, cụ thể là: các cơ quan thông tin đại chúng, các dịch vụ kế toán, các tổ chức xúc tiến thương mại, hỗ trợ khoa học công nghệ, các cơ sở đào tạo nghề và các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh cho hộ kinh doanh còn thiếu và yếu.

Các hộ kinh doanh cũng ít được các chính quyền địa phương ưu tiên khuyến khích như cộng đồng doanh nghiệp bởi lẽ phần lớn khoản thu ngân sách của địa phương đến từ các khoản thuế doanh nghiệp. Vấn đề đặt ra cho các nhà làm chính sách là cần ứng xử ra sao đối với hộ kinh doanh để giảm bớt những mặt hạn chế đồng thời có thể lan toả yếu tố tích cực tới tăng trưởng nói chung.

### ***2.2.2. Thực trạng hộ kinh doanh trên địa bàn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.***

Bản thân các hộ kinh doanh vẫn còn tâm lý mặc cảm, e dè, chưa phát huy được tính tích cực của mình trong việc mạnh dạn trao đổi hỏi những chính sách pháp luật về thuế.

Tính tự phát mạnh ai nấy làm, phát triển thiếu định hướng, không có tầm chiến lược lâu dài, thiếu sự hỗ trợ phối hợp lẫn nhau giữa các hộ kinh doanh cũng như với các doanh nghiệp, do đó không tạo được sức mạnh chung trên cơ sở phát huy lợi thế của từng cơ sở. Đây chính là nguyên nhân dẫn tới tình trạng trong những năm qua hộ kinh doanh tuy phát triển nhanh về số lượng nhưng chủ yếu vẫn là quy mô nhỏ, tiềm lực chưa mạnh, khả năng liên doanh, hợp tác và vươn ra thị trường nước ngoài còn rất hạn chế.

Về ý thức chấp hành pháp luật thuế đối với người dân: Ý thức chấp hành này thể hiện rõ là người dân (hộ kinh doanh) chưa tự khai nộp thuế. Nguyên nhân do ý thức tự giác chấp hành pháp luật thuế của người dân Việt Nam nói chung còn kém. Nhiều người có tư tưởng nộp đủ thuế là “khác người”, vậy nên họ tìm mọi cách để gian lận.

Môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế ảnh hưởng tới phát triển kinh tế hộ kinh doanh.

Môi trường quốc tế: Hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới khiến sự gắn kết của các nước với nền kinh tế thế giới ngày càng chặt chẽ. Vì vậy, các bất ổn của nền kinh tế thế giới có thể ảnh hưởng nhanh chóng và sâu rộng tới sản xuất kinh doanh của mọi thành phần kinh tế, trong đó có sự phát triển của các hộ kinh doanh.

Môi trường trong nước:

- Sự ổn định về mặt chính trị xã hội, quốc phòng – an ninh sẽ giúp cho sự phát triển của hộ kinh doanh của vùng yên tâm đầu tư sản xuất. Đồng thời, quy mô thị trường lớn sẽ là yếu tố thu hút các đầu tư và mở rộng sản xuất.

- Các nhân tố về khung pháp lý và chính sách của Đảng, Nhà nước và địa phương ảnh hưởng tới phát triển kinh tế hộ kinh doanh.

Đây là các quy định pháp luật tác động đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế, bao gồm cả thành phần kinh tế hộ kinh doanh. Trong đó, các chính sách tác động trực tiếp là các chính sách liên quan đến gia nhập thị trường, thuế, lao động, cạnh tranh, xuất nhập khẩu và các chính sách hỗ trợ của nhà nước... Chính sách thuế không rõ ràng, hợp lý sẽ vô tình làm cho hộ kinh doanh gặp khó khăn trong mở rộng kinh doanh... Hay các chính sách khác cũng vậy. Nếu các chính sách này ban hành không hợp lý có thể gây ảnh hưởng đến sự tăng trưởng của hộ kinh doanh.

### ***2.2.3. Tổ chức bộ máy quản lý về thuế giá trị gia tăng tại Chi cục thuế quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.***

Tổ chức bộ máy thu thuế là yếu tố đầu tiên và có vai trò quyết định đến công tác quản lý thu thuế. Một bộ gọn nhẹ, hiệu quả sẽ góp phần làm cho công tác thu thuế đạt kết quả cao và ngược lại, nếu bộ máy quá công kềnh, không phù hợp với thể chế KTTT thì sẽ không đem lại kết quả mà còn làm kìm hãm sự phát triển của sản xuất, kinh doanh.

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý thuế tại Chi cục thuế quận Hà Đông hiện nay được tổ chức theo mô hình chức năng. Đây là mô hình quản lý tiên tiến, phù hợp với xu thế của thời đại. Theo đó, bộ máy quản lý thuế được sắp xếp theo hướng chuyên sâu, gồm:

- (1) Đội tuyên truyền và hỗ trợ NNT;*
- (2) Đội kê khai kế toán thuế và tin học;*
- (3) Đội kiểm tra thuế ;*
- (4) Đội quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế;*
- (5) Đội nghiệp vụ - dự toán;*
- (6) Đội quản lý thuế hu nhập cá nhân;*
- (7) Đội kiểm tra nội bộ;*
- (8) Đội Hành chính – nhân sự - tài vụ - ấn chỉ;*
- (9) Đội quản lý thu lệ phí trước bạ và thu khác;*
- (10) Một số đội thuế liên phường.*

Mô hình này đảm bảo tính toàn diện , khách quan, trong đó chú trọng nâng cao ý thức tự giác, tự chịu trách nhiệm của hộ kinh doanh về việc kê khai và nộp thuế nói chung và thuế GTGT nói riêng. Các đội thuế giúp Chi cục trưởng Chi cục thuế thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

Tổ chức bộ máy quản lý thuế về trình độ, năng lực quản lý thuế của các cơ quan do quá trình cải cách của ngành thuế diễn ra nhanh chóng, các thủ tục hành chính được cắt bỏ hoặc đơn giản một cách mạnh mẽ, số giờ nộp thuế được rút ngắn đáng kể. Đi kèm với đó thì khối lượng công việc đối với công chức tăng lên. Một số cán bộ công chức chưa kịp thay đổi phương pháp, kỹ năng đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý do đó năng suất lao động chưa cao, hiệu quả giải quyết công việc còn chậm. Vì vậy, việc nắm bắt thông tin chưa kịp thời dẫn đến truyền đạt đến các hộ kinh doanh còn hạn chế nên hiệu quả công việc chưa cao. Công tác thu nợ và cưỡng chế thuế của các hộ kinh doanh khá phổ biến nhưng cơ quan thuế lại chưa có bộ phận chuyên trách thực hiện chức năng thu nợ. Chưa có chế tài để thu nợ đối với các hộ kinh doanh. Công tác tuyên truyền còn yếu kém, chưa sát sao nên các hộ kinh doanh chưa hiểu rõ luật thuế.

Tính phức tạp trong hoạt động quản lý thuế, do quá trình đô thị hóa và hội nhập diễn ra mạnh mẽ, đa dạng về văn hóa doanh nghiệp, về lĩnh vực ngành nghề, quy mô kinh doanh. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc, kỹ năng giao tiếp của một số cán bộ thuế chưa theo kịp sự phát triển của kinh tế xã hội trên địa bàn.

### **2.3. Thực tiễn thực hiện pháp luật thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh trên địa bàn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**

#### ***2.3.1. Tình hình thực hiện pháp luật thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh trên địa bàn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội***

Có thể nói, trong những năm gần đây Chi cục thuế Hà Đông đã có nhiều sang kiến khoa học, triển khai các đề án, từ đó thực hiện tốt nghĩa vụ khai nộp thuế. CQT đã tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế bằng nhiều hình thức như: phát tờ rơi hướng dẫn, phổ biến và giải đáp

các vướng mắc về chính sách thuế mà hộ kinh doanh thường gặp phải trong quá trình kê khai, nộp thuế nói chung và nộp thuế GTGT nói riêng.

Chi cục thuế quận Hà Đông đã thực hiện nhiệm vụ quản lý thuế đối với người nộp thuế thuộc phạm vi quản lý của Chi cục Thuế : đăng ký thuế, cấp mã số thuế, xử lý hồ sơ khai thuế, tính thuế, nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, xoá nợ thuế, tiền phạt, lập sổ thuế, thông báo thuế, phát hành các lệnh thu thuế và thu khác theo qui định của pháp luật thuế và các quy định, quy trình, biện pháp nghiệp vụ của ngành; đôn đốc người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước.

Đội ngũ cán bộ công nhân viên chức ngành thuế luôn bám sát địa bàn qua đó giúp cho công tác quản lý thu thuế trên địa bàn được thực hiện nghiêm túc. Công tác phối kết hợp chặt chẽ của các ngành như Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Thống kê, Chi cục Thuế và các cơ quan liên quan để cung cấp kịp thời các thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh của người nộp thuế được thực hiện thường xuyên, liên tục đảm bảo việc quản lý thu thuế sát với thực tế kinh doanh chống thất thu NSNN.

Việc quản lý thông tin về người nộp thuế; xây dựng hệ thống dữ liệu thông tin về người nộp thuế trên địa bàn cũng được chi cục thuế quận Hà Đông thực hiện tương đối chính xác.

Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc kê khai thuế, hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, nộp thuế, quyết toán thuế và chấp hành chính sách, pháp luật thuế đối với người nộp thuế và các tổ chức, cá nhân được uỷ nhiệm thu thuế theo phân cấp và thẩm quyền quản lý của Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận Hà Đông.

Thực hiện mục tiêu chiến lược là tuyên truyền chính sách pháp luật thuế, cung cấp dịch vụ hỗ trợ NNT từ đó nâng cao sự hiểu biết pháp luật về thuế góp phần nâng cao tính tuân thủ tự nguyện của đối tượng nộp thuế. Trong năm 2016, công tác tuyên truyền chính sách thuế được thực hiện dưới nhiều hình thức. Duy trì và mở rộng đường dây nóng để giải đáp trực tiếp

vướng mắc cho doanh nghiệp, cá nhân người nộp thuế qua điện thoại với cuộc gọi: hướng dẫn, trả lời văn bản bằng văn bản; hỗ trợ trực tiếp tại cơ quan thuế; triển khai hệ thống thông tin điện tử giúp người nộp thuế tra cứu nhanh chóng, hiệu quả. Ngoài ra, hàng năm chi cục thuế cũng tổ chức các lớp tập huấn hướng dẫn cho các bộ trong các Chi cục thuộc Cục Thuế Hà Đông, Tổ chức tập huấn Quy trình Quản lý thuế đối với hộ kinh doanh ban hành kèm theo Quyết định số 2248/ QĐ – TCT ngày 28/12/2012 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế cho 12 Chi cục Thuế và các Phòng liên quan thuộc Cục Thuế, bộ phận “ một cửa’ tại các Chi cục Thuế hướng dẫn trực tiếp cho đối tượng nộp thuế về các thủ tục hành chính, chính sách thuế góp phần đưa chính sách thuế đi vào cuộc sống.

Trong năm 2016, Chi cục thuế Hà Đông đã thực hiện theo Công văn số 16906/BTC-TCT ngày 16/11/2015 thì đối với hộ kinh doanh có sử dụng hóa đơn quyền của cơ quan thuế, mức doanh thu khoán năm 2016 được xây dựng trên cơ sở doanh thu khoán không bao gồm doanh thu do sử dụng hóa đơn quyền năm 2016.

Chi cục thuế đã thực hiện tốt công tác tham mưu cho chính quyền địa phương ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các đơn vị liên quan phối hợp với cơ quan Thuế như: Vận động nộp thuế môn bài, ủy nhiệm thuế, thu nợ thuế, khai thác nguồn thu, quản lý thu thuế xây dựng tư nhân, thu vãng lai, khai thác tài nguyên... Điều này góp phần giúp ngành Thuế quận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thu ngân sách Nhà nước ( điển hình như năm 2016 đạt hơn 100% dự toán pháp lệnh).

Nhìn chung, các phòng, ban thuộc UBND quận đã phối hợp thực hiện tốt trách nhiệm cung cấp thông tin quản lý thuế. Phòng Tài chính - Kế hoạch, phòng kinh tế, phòng thống kê cung cấp thông tin về hàng nghìn trường hợp cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để Chi cục quản lý thuế; Hầu hết UBND phường đều triển khai cho các bộ phận, thôn, tổ dân phố thực hiện tốt



những nội dung phối hợp... Trong năm 2015, UBND quận Hà Đông đã ban hành văn bản số: 2266/UBND-CCT ngày 24/11/2015 triển khai công tác quản lý thuế hộ kinh doanh năm 2016; Quyết định số 4739/QĐ-BCĐ ngày 08/6/2016 của UBND quận Hà Đông về việc thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành thu nộp ngân sách nhà nước năm 2016 trên địa bàn Hà Đông;

Tại Chi cục thuế, công tác phối hợp quản lý thu thuế cũng đạt nhiều kết quả. Chi cục đã phối hợp với Kho Bạc và các phòng, ban là chủ đầu tư những công trình xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách để quản lý thu thuế và thu hồi nợ thuế... Các đội thuế khu vực đã đề xuất nhiều biện pháp đôn đốc thu thuế với Hội đồng Tư vấn thuế và tổ thu nợ thuế tại các xã, thị trấn như: Mời các hộ kinh doanh thường xuyên dây dưa nợ thuế, có số tiền thuế nợ lớn đến vận động, đôn đốc nộp thuế... Các chi cục thuế đã thực hiện đúng quy định trong công tác nộp thuế qua các ngân hàng thương mại, quy trình kết nối thông tin ngành Thuế - Kho bạc - Tài chính. Từ đó, dữ liệu thông tin người nộp thuế, số thuế phải nộp, số thuế đã nộp được cập nhật kịp thời, góp phần chống thất thu thuế.

Công tác tuyên truyền hỗ trợ, công tác kiểm tra thuế đã góp phần nâng cao tính tuân thủ, tự giác của các hộ kinh doanh trong việc chấp hành nghĩa vụ thuế. Góp phần tạo lập niềm tin vào sự công bằng và tính nghiêm minh các chính sách thuế của Nhà nước, thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng giữa các chủ thể kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế. Bảo đảm thu đúng, thu đủ, kịp thời các khoản thu nộp NSNN theo quy định của pháp luật, đảm bảo dân chủ công khai và minh bạch.

Về cơ bản hộ kinh doanh trên địa bàn quận Hà Đông thực hiện tốt việc tuân thủ pháp luật thuế giá trị gia tăng như: Công tác đăng ký, kê khai thuế, nộp thuế được các hộ kinh doanh thực hiện nghiêm túc.

Công tác quản lý việc đăng ký và cấp mã số thuế của hộ kinh doanh trên địa bàn Quận Hà Đông đã được thực hiện khá tốt. Công việc này do Đội Kê khai – Kế toán thuế và Tin học (Đội KK – KTT) phụ trách. Nhìn chung

các hộ kinh doanh trên địa bàn quận Hà Đông đều thực hiện nghiêm túc các thủ tục để được đăng ký và cấp mã số thuế. Hầu hết các hộ kinh doanh trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày được cấp giấy đăng ký kinh doanh đều đến đăng ký thuế. Công tác quản lý cấp mã số thuế cho hộ kinh doanh theo đúng quy trình cấp mã số thuế. Tại các Chi cục hồ sơ đăng ký thuế của các đối tượng nộp thuế có thể được nhận trực tiếp tại Chi cục hoặc qua đường bưu điện (thực hiện theo cơ chế phối hợp “ một cửa” liên thông trong việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế) bộ phận đăng ký thuế thuộc đội KK – KTT kiểm tra nội dung kê khai, đối chiếu, xử lý hồ sơ, nếu hợp lệ sẽ tiến hành cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế và mã số thuế hoặc thông báo mã số thuế (mã số thuế tạm) cho hộ kinh doanh ( tùy theo từng loại hộ kinh doanh). Khi có sự thay đổi trong quá trình hoạt động thì hộ kinh doanh phải thông báo với CQT và khi chấm dứt hoạt động thì hộ kinh doanh phải làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

Hiện nay với sự hỗ trợ của hệ thống quản lý trên máy tính, toàn bộ các khâu từ cấp mã số thuế, nhận tờ khai, in thông báo thuế, lưu trữ dữ liệu, lập báo cáo...đều theo đúng quy định quản lý thuế của Tổng cục hướng dẫn nên khâu thu thập thông tin về hộ kinh doanh ở các Chi cục trên địa bàn quận Hà Đông được thực hiện khá tốt, dữ liệu và thông tin cập nhập tương đối đầy đủ, chính xác và kịp thời. Đối với những hộ kinh doanh có nghi vấn thì cần ưu tiên trong việc quản lý. Đội thuế LXP ( hoặc Đội kiểm tra thuế ) phối hợp chặt chẽ với các đội quản lý thị trường. Hội đồng tư vấn thuế của phường tiến hành kiểm tra, rà soát để phát hiện những hộ kinh doanh thực tế đang hoạt động kinh doanh nhưng chưa tới đăng ký kinh doanh. Qua đó phân loại hộ kinh doanh và đôn đốc nhắc nhở hộ kinh doanh làm thủ tục đăng ký thuế (đối với hộ kinh doanh phải đăng ký thuế) nếu hộ kinh doanh không chấp nhận hành sẽ xử lý vi phạm theo quy định. Trên thực tế thì các hộ kinh doanh đều hợp tác tốt với Chi cục Thuế Hà Đông trong việc kê khai làm thủ tục đăng ký kinh doanh.

Phần lớn hộ kinh doanh trên địa bàn nộp tờ khai đúng mẫu, đúng thời gian quy định theo luật thuế GTGT. Việc kê khai các dữ liệu trên các mẫu biểu cơ bản là đúng thuế suất, đúng nội dung. Đạt được kết quả đó là do Chi cục thuế Hà Đông đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, tăng cường các biện pháp nhắc nhở, đôn đốc, kiểm tra. Đề án chống thất thu NSNN khu vực cá thể năm 2016 của Cục thuế Hà Đông đạt được kết quả khả quan.

### ***2.3.2. Những kết quả đạt được từ thực tiễn thực hiện pháp luật về thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh trên địa bàn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội***

#### ***2.3.2.1. Kết quả thực hiện thu ngân sách trên địa bàn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội***

Những năm gần đây, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội có tốc độ phát triển kinh tế tương đối ổn định, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng CN-TTCN và dịch vụ thương mại. Việc đó đã tác động rất lớn đến thu NSNN trên địa bàn phường và có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc ổn định, tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững trên mọi lĩnh vực. Đặc biệt phải nói đến thu từ khu vực kinh tế NQD: Bao gồm thuế môn bài, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và thu phạt đối với khu vực NQD, đây là nguồn thu chủ yếu (ngoài tiền sử dụng đất) của ngân sách quận Hà Đông và có tốc độ tăng khá cao. Điển hình như năm 2016 Chi cục thuế Hà Đông, thành phố Hà Nội được giao nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm trên địa bàn là 2.463 tỷ đồng. Tổng thu NSNN thực hiện được 3.516 tỷ 211 triệu đồng, so với dự toán pháp lệnh đạt 143%, so với dự toán phân đầu đạt 103%, tăng 49 % so với năm 2015. Nhìn vào Bảng 2.2. khối hộ kinh doanh là 52 tỷ 687 triệu đồng, đạt 101.3% so với dự toán pháp lệnh, tăng 9% so với cùng kỳ.

**Bảng 2.2. Bảng tổng hợp thu ngân sách năm 2016**

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu thu	Dự toán pháp lệnh 2016	Dự toán phần đầu 2016	Thực hiện 2016	(% ) Thực hiện năm 2016		
					DTPL	DTPĐ	Cùng kỳ
1	2	3	4	5	6=5/3	7=5/4	8=5/CK
<b>A</b>	<b>Tổng thu</b>	<b>2.463.000</b>	<b>3.422.500</b>	<b>3.516.211</b>	<b>143%</b>	<b>103%</b>	<b>149%</b>
1	Thu nội địa trừ dầu, tiền sử dụng đất	1.633.000	2.292.500	1.905.721	117%	83%	127%
2	Thuế CTN-DV-NQD	873.000	1.445.500	1.005.514	115%	70%	142%
2.1	Khối hộ kinh doanh	52.000	62.500	52.687	101%	84%	109%
2.2	Khối doanh nghiệp	821.000	1.383.000	952.827	116%	69%	114%
	Trong đó môn bài	14.300		11.910	83%		117%
3	Lệ phí trước bạ	446.000	483.000	405.878	91%	84%	110%
	Lệ phí trước bạ nhà đất	178.400		81.263	46%		61%
	Lệ phí trước bạ xe	267.600		324.615	121%		139%
4	Nhà đất + PNN	29.500	29.500	30.554	104%	104%	103%
5	Thu tiền thuê đất	65.000	71.500	190.379	293%	266%	283%
6	Phí, lệ phí + Phí BV MT	12.000	13.000	7.300	61%	56%	95%
7	Thu tiền sử dụng đất	830.000	1.130.000	1.610.490	194%	143%	185%
8	Thuế TNCN	200.000	242.000	219.969	110%	91%	113%
9	Thu ngân sách khác	7.500	8.000	39.842	531%	498%	33%
9.1	Thu khác ngân sách	7.000	7.500	8.836	126%	118%	8%
9.2	Thu cố định	500	500	31.006	6201%	6201%	519%

*Nguồn Chi cục Thuế Hà Đông*

*2.3.2.2. Kết quả thực hiện thu thuế giá trị gia tăng hộ kinh doanh các phường trên địa bàn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.*

Trong các năm gần đây được sự phối hợp của các phường với Chi cục thuế Hà Đông nên kết quả thu thuế GTGT của hộ kinh doanh các phường thuộc địa bàn quận Hà Đông tăng đều qua các năm qua bảng 2.3 như sau: theo dự toán

giao cho các phường, chợ đối với khối hộ kinh doanh trên địa bàn năm 2011 là: 42 tỷ 172 triệu đồng; năm 2012 là 44 tỷ 198 triệu đồng; năm 2013 là 45 tỷ 661 triệu đồng; năm 2014 là 47 tỷ 334 triệu đồng; năm 2015 là 47 tỷ 638 triệu đồng và năm 2016 là 48 tỷ 337 triệu đồng.

Để đánh giá mức độ hoàn thành dự toán chúng ta nhìn vào tỷ lệ đạt được so với dự toán qua các năm như sau: Năm 2011 là 43 tỷ 108 triệu đồng đạt 102% so với dự toán; năm 2012 là 44 tỷ 964 triệu đồng đạt 102 % so với dự toán; năm 2013 là 46 tỷ 043 triệu đồng đạt 101% so với dự toán; năm 2014 là 47 tỷ 915 triệu đồng đạt 101% so với dự toán; năm 2015 là 50 tỷ 152 triệu đồng đạt 105% so với dự toán và năm 2016 là 52 tỷ 687 triệu đồng đạt 109% so với dự toán. Nhìn chung thu hộ kinh doanh trên địa bàn quận hàng năm đa số đều hoàn thành và hoàn thành vượt dự toán giao thể hiện qua bảng 2.3.

**Bảng 2.3: Kết quả thu thuế GTGT của hộ kinh doanh trên địa bàn các phường thuộc quận Hà Đông  
giai đoạn 2011-2016**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Tên phường	Năm 2011			Năm 2012			Năm 2013			Năm 2014			Năm 2015			Năm 2016		
		Dự toán	Thực hiện	Tỷ lệ đạt so với DT	Dự toán	Thực hiện	Tỷ lệ đạt so với DT	Dự toán	Thực hiện	Tỷ lệ đạt so với DT	Dự toán	Thực hiện	Tỷ lệ đạt so với DT	Dự toán	Thực hiện	Tỷ lệ đạt so với DT	Dự toán	Thực hiện	Tỷ lệ đạt so với DT
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	<b>Tổng cộng</b>	<b>42,172</b>	<b>43,108</b>	<b>102%</b>	<b>44,198</b>	<b>44,964</b>	<b>102%</b>	<b>45,661</b>	<b>46,043</b>	<b>101%</b>	<b>47,334</b>	<b>47,915</b>	<b>101%</b>	<b>47,638</b>	<b>50,152</b>	<b>105%</b>	<b>48,337</b>	<b>52,687</b>	<b>109%</b>
1	Nguyễn Trãi	2,434	3,415	140%	3,210	3,788	118%	3,802	4,425	116%	4,284	4,330	101%	2,840	3,358	118%	3,905	4,498	115%
2	Hà Cầu	1,980	3,150	159%	2,050	3,210	157%	2,200	3,258	148%	2,250	2,550	113%	2,370	3,967	167%	2,505	4,107	164%
3	Kiến Hưng	1,117	1,180	106%	1,480	1,545	104%	1,560	1,580	101%	1,950	2,150	110%	2,390	2,134	89%	2,519	2,274	90%
4	Quang Trung	2,660	2,680	101%	2,860	2,865	100%	2,871	3,054	106%	2,980	3,120	105%	3,450	3,312	96%	3,674	3,452	94%
5	La Khê	3,750	3,817	102%	3,750	3,895	104%	3,750	4,067	108%	3,750	4,150	111%	3,765	4,588	122%	3,930	4,728	120%
6	Phú La	1,983	2,150	108%	2,024	2,100	104%	2,065	2,092	101%	2,107	2,237	106%	2,150	2,486	116%	2,315	2,626	113%
7	Vạn Phúc	2,121	2,110	99%	2,165	2,250	104%	2,209	2,145	97%	2,254	2,291	102%	2,300	2,338	102%	2,444	2,478	101%
8	Dương Nội	3,182	2,560	80%	3,247	3,250	100%	3,313	2,750	83%	3,381	2,834	84%	3,450	2,892	84%	3,614	3,032	84%
9	Văn Quán	3,196	3,050	95%	3,261	3,350	103%	3,328	3,250	98%	3,396	3,521	104%	3,465	4,001	115%	3,602	4,141	115%
10	Mộ Lao	3,764	3,830	102%	3,841	4,010	104%	3,919	4,101	105%	3,999	4,290	107%	4,081	5,197	127%	4,226	5,337	126%
11	Yết Kiêu	1,886	1,511	80%	1,925	1,520	79%	1,964	1,653	84%	2,004	1,779	89%	2,045	1,815	89%	2,605	1,911	73%
12	Phúc La	4,012	3,560	89%	4,094	3,389	83%	4,178	3,560	85%	4,263	4,018	94%	4,350	4,202	97%	4,457	4,342	97%
13	Phú Lương	1,352	1,520	112%	1,380	1,120	81%	1,408	1,125	80%	1,437	1,239	86%	1,466	1,265	86%	1,505	1,405	93%
14	Phú Lãm	1,641	1,550	94%	1,674	1,562	93%	1,709	1,527	89%	1,743	1,661	95%	1,779	1,694	95%	1,818	1,834	101%
15	Yên Nghĩa	1,624	1,650	102%	1,657	1,560	94%	1,691	1,536	91%	1,726	1,670	97%	1,761	1,704	97%	1,800	1,844	102%
16	Đông Mai	555	450	81%	567	350	62%	578	350	61%	590	385	65%	602	393	65%	730	533	73%
17	Biên Giang	443	435	98%	452	420	93%	461	450	98%	470	427	91%	480	436	91%	597	576	96%
18	Chợ Hà Đông	4,471	4,490	100%	4,562	4,780	105%	4,655	5,120	110%	4,750	5,264	111%	4,800	5,372	112%	5,016	5,512	110%

*Nguồn: Chi cục thuế quận Hà Đông*

Mục tiêu của công tác quản lý ĐTNT là phấn đấu đưa 100% đối tượng có thực tế kinh doanh bao gồm cả kinh doanh cố định, kinh doanh lưu động, kinh doanh thời vụ vào diện quản lý thu thuế và chấm dứt tình trạng thất thu về ĐTNT. Công tác phối hợp giữa các đội thuế với chính quyền các phường đã được tăng cường. Các đội thuế Liên phường đã thường xuyên thực hiện báo cáo kết quả thu trong tháng, tình hình thực hiện dự toán và đề ra các giải pháp thực hiện tham mưu cho UBND phường triển khai.

### 2.3.2.3. Quản lý hộ kinh doanh trên địa bàn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Tình hình quản lý đối với hộ kinh doanh trên địa bàn quận Hà Đông qua các năm đều tăng lên đáng kể, số thuế tăng thu ngân sách thể hiện qua bảng 2.4.

**Bảng 2.4. Kết quả quản lý hộ kinh doanh trên địa bàn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội năm 2011-2016.**

*Đơn vị tính: nghìn đồng*

Năm	Số hộ điều tra thống kê	Số hộ có mã số thuế	Số hộ kinh doanh quản lý	Số hộ mới đưa vào quản lý	
				Hộ	Thuế
2011	5.520	5.213	4.985	185	92.500
2012	5.782	5.570	5.246	261	135.720
2013	7.450	5.246	5.578	332	246.000
2014	8.560	5.860	6.027	449	341.240
2015	9.452	7.354	6.399	372	316.200
2016	10.156	6.658	6.749	350	368.200

*Nguồn: Chi cục thuế quận Hà Đông*

Những số liệu trong bảng 2.4 cho thấy trong những năm qua Chi cục đã có nhiều cố gắng trong quản lý số hộ kinh doanh và đạt được những thành công nhất định thể hiện như thông qua công tác cấp mã số thuế cho các hộ kinh doanh, hàng năm Chi cục đã đưa thêm được nhiều hộ vào quản lý thu thuế. Năm 2011 đã đưa thêm được 185 hộ vào quản lý thu thuế, với tổng số thuế thu được là hơn 92 triệu đồng, con số này đến năm 2016 đã là 350 hộ với tổng số thuế thu được là hơn 368 triệu đồng. Qua 05 năm có thể thấy số hộ có sản xuất kinh doanh được đưa vào diện quản lý thu thuế đều đã tăng theo các năm.

Trong công tác quản lý thu thuế, để nâng cao chất lượng thu ngân sách, cơ quan thuế không chỉ tập trung quản lý tốt ĐTNT mà còn cần quản lý tốt doanh thu kinh doanh của các hộ cá thể, bảo đảm thu sát với doanh thu thực tế kinh doanh. Doanh thu của các hộ kinh doanh là cơ sở để xác định số thuế phải nộp. Việc quản lý chặt chẽ doanh thu của hộ kinh doanh, đặc biệt hộ kinh doanh lớn có ý nghĩa quyết định đến việc hoàn thành dự toán thu, đảm bảo công bằng bình đẳng về thuế.

Tuỳ theo phương pháp nộp thuế của các hộ cá thể, cơ quan thuế sẽ có biện pháp quản lý doanh thu khác nhau. Hiện nay, Chi cục Thuế quận Hà Đông, các hộ kinh doanh nộp thuế tính theo doanh thu theo 2 phương pháp là: doanh thu khoán và doanh thu theo hóa đơn (Doanh thu kê khai). Cụ thể:

**Bảng 2.5. Kết quả quản lý hộ kinh doanh theo doanh thu nộp thuế GTGT trên địa bàn quận Hà Đông năm 2016.**

<b>Phương pháp nộp thuế</b>	<b>Số hộ quản lý</b>	<b>Tỷ trọng</b>
Doanh thu khoán	5.693	84%
Doanh thu kê khai	1.056	16%
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.749</b>	<b>100</b>

*Nguồn: Chi cục Thuế Hà Đông*



Như vậy, số đối tượng nộp thuế theo phương pháp khoán doanh thu là lớn chiếm 84% số hộ kinh doanh, nhiều gấp 5 lần số hộ nộp thuế theo phương pháp kê khai. Đối với các hộ nộp thuế theo phương pháp khoán doanh thu thì số thuế phải nộp dựa theo doanh số ấn định của Chi cục thuế và Hội đồng tư vấn thuế của phường. Còn đối với hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai, cơ sở tính thuế dựa trên doanh thu thực tế theo hoá đơn, chứng từ.

#### *2.3.2.4. Công tác kiểm tra các hộ kinh doanh trên địa bàn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội*

Trong công tác quản lý ĐTNT, quản lý hộ cá thể nghỉ kinh doanh cũng được Chi cục đặc biệt chú trọng. Theo quy định hiện hành thì hộ kinh doanh nghỉ từ 15 ngày trở lên được xét giảm 50% thuế phải nộp của tháng, nếu nghỉ cả tháng thì được miễn nộp thuế của tháng đó. Nhìn chung, đây là một chủ trương phù hợp, tạo điều kiện giải quyết một phần khó khăn cho các hộ kinh doanh trong trường hợp vì lý do bất khả kháng phải nghỉ kinh doanh. Tuy nhiên, nếu công tác này không được làm tốt thì việc xét miễn, giảm này lại là một kẽ hở để các hộ kinh doanh lợi dụng để trốn thuế, gây thất thu cho ngân sách Nhà nước. Thực tế ở Chi cục cho thấy thời gian qua các hộ nghỉ kinh doanh vì các lý do như: nghỉ để chuyển hướng kinh doanh khác; nghỉ để sát nhập hoặc chia tách, nghỉ để di chuyển địa điểm khác; nghỉ do điều kiện kinh doanh gặp khó khăn và nghỉ vì những lý do khác. Thời điểm có nhiều hộ nghỉ nhất là dịp sau Tết nguyên đán do tình hình kinh doanh chững lại hay các hộ đi lễ hội dài ngày. Trung bình một tháng ở Chi cục có gần 170 hộ nghỉ kinh doanh chiếm 2,52% số hộ quản lý. Số hộ xin nghỉ này đã ảnh hưởng trực tiếp đến số thuế thu được của Chi cục: trung bình giảm 63.750.000 đồng/tháng tiền thuế. Công tác kiểm tra hộ nghỉ được đội thanh tra phối hợp với các đội thuế phường tiến hành thường xuyên. Qua kiểm tra, hàng năm Chi cục đều phát hiện được những hộ lợi dụng xin nghỉ để kinh doanh trốn lậu thuế. Chi

cục cũng đều đã kiên quyết xử lý truy thu và phạt đối với các hộ vi phạm này.

Riêng năm 2016 Chi cục thuế quận Hà Đông đã tiến hành kiểm tra chống thất thu đối với 43 hộ kinh doanh, số thuế tăng thu 331 triệu đồng/ năm.

**Bảng 2.6. Kết quả kiểm tra các hộ kinh doanh trên địa bàn quận Hà Đông năm 2015 -2016.**

<b>Năm</b>	<b>Số hộ nghỉ kinh doanh được kiểm tra</b>	<b>Số hộ vi phạm</b>	<b>Số tiền truy thu</b>
2015	1245	59	415.684.000
2016	2073	43	331.000.000

*Nguồn: Chi cục Thuế quận Hà Đông*

Như vậy, Bảng 2.6 cho thấy số hộ nghỉ đối phó bằng 1,7% số hộ kiểm tra, tuy không đáng kể nhưng lại gây ra thất thu thuế, không đảm bảo sự cạnh tranh lành mạnh giữa các hộ kinh doanh, không thực hiện được yêu cầu công bằng trong chính sách động viên, làm giảm tính nghiêm minh của pháp luật.

Diễn hình trong năm 2016, vụ việc mua bán trái phép hóa đơn thuế GTGT của Nguyễn Trường và Chu Thị Ngọc Thảo đã rút được tại các ngân hàng là hơn 5.450 tỷ đồng. Số tiền thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn GTGT mà Trường được hưởng lợi là gần 23 tỷ đồng, Thảo hưởng lợi hơn 15 tỷ đồng, hai đối tượng này buôn bán hóa đơn trái phép nhưng cũng chỉ bị phạt tù 30 tháng (Theo báo điện tử đài tiếng nói Việt Nam ra ngày 26/5/2016). Có thể thấy sự nghiêm minh của pháp luật đối với những vụ việc liên quan đến việc mua bán hóa đơn trái phép không cao nên khó xử lý được triệt để.

#### *2.3.2.5. Kết quả miễn, giảm thuế GTGT hộ kinh doanh trên địa bàn quận Hà Đông*

Trong những năm vừa qua Chi cục thuế Hà Đông đã miễn, giảm thuế GTGT cho các hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán như: hộ kinh

doanh tạm ngừng, nghỉ kinh doanh; miễn, giảm thuế đối với trường hợp hộ kinh doanh gặp khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn hoặc mắc bệnh hiểm nghèo.

Kết quả miễn, giảm thuế đối với hộ kinh doanh năm 2016: Tổng số hồ sơ đề nghị miễn, giảm thuế :2.038 hồ sơ; tổng số thuế đề nghị miễn, giảm: 1 tỷ 753 triệu đồng. Tổng số hồ sơ được giải quyết miễn, giảm thuế :1.985 hồ sơ; tổng số tiền thuế được miễn, giảm : 1 tỷ 488 triệu đồng ( *trong đó thuế GTGT:1 tỷ 042 triệu đồng; thuế TNCN: 446 triệu 625 nghìn đồng*). Miễn giảm là do tạm nghỉ kinh doanh được kiểm tra, xác minh; Tổng số hồ sơ không được miễn, giảm thuế ( không thuộc trường hợp được miễn giảm thuế) : 53 hồ sơ, tổng số thuế không được miễn, giảm: 39,750 triệu đồng;

#### **2.4. Một số tồn tại, hạn chế và những vấn đề đặt ra từ thực tiễn thực hiện pháp luật thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh trên địa bàn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**

##### ***2.4.1. Tồn tại, hạn chế từ thực tiễn thực hiện pháp luật thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh trên địa bàn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội***

Tính phức tạp trong hoạt động quản lý thuế của Quận Hà Đông khá cao do địa bàn rộng, do quá trình đô thị hóa và hội nhập của quận diễn ra mạnh mẽ đi kèm với đó là tăng dân số cơ học, đa dạng về văn hóa, lĩnh vực ngành nghề, quy mô kinh doanh. Một số hộ kinh doanh chưa làm tốt công tác tự tính - tự khai - tự nộp thuế nên thường xuyên xảy ra sai sót, nhầm lẫn; một số hộ kinh doanh ý thức chấp hành pháp luật thuế còn thấp, chưa được thường xuyên uốn nắn chấn chỉnh qua kiểm tra thuế. Mặt khác, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc, kỹ năng giao tiếp của một số cán bộ thuế chưa theo kịp sự phát triển của kinh tế xã hội trên địa bàn.

Cán bộ thuế chưa đưa hết các hộ có thực tế kinh doanh vào diện quản lý thu thuế chưa thu thuế đầy đủ về số lượng cũng như giá cả hàng hoá tiêu

thụ, áp dụng sai thuế suất quy định cho từng ngành nghề, mặt hàng và thường là áp dụng với thuế suất thấp hơn.

Cán bộ thuế thoả hiệp với đối tượng nộp thuế để giảm bớt số thuế phải nộp, nhất là trong trường hợp xác định doanh thu, mức thuế khoán xem xét miễn giảm thuế.

Chi cục thuế chưa chỉ đạo quyết liệt kiểm tra, thanh tra phát hiện sai sót trong kê khai nộp thuế và ghi chép sổ sách kế toán. Tình trạng thất thu thuế đã làm giảm số thu vào Ngân sách Nhà nước, không thực hiện được yêu cầu công bằng bình đẳng giữa các hộ kinh doanh trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế, hơn thế nó làm nhờn kỷ cương phép nước.

Sự trao đổi thông tin của ngành thuế với các ngành khác chưa chặt chẽ nên không nắm bắt kịp thời, đầy đủ các hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh khi cần thiết.

Do ý thức của các hộ kinh doanh chưa tốt, hạn chế về trình độ quản lý, trình độ chuyên môn, thiếu hiểu biết về pháp luật.

Do chính sách thuế còn nhiều kẽ hở, các hộ kinh doanh ngày càng tinh vi đã cố tình lách luật mà không hề vi phạm pháp luật. Như việc quy định mức doanh thu hàng năm từ một trăm triệu đồng trở xuống không phải chịu thuế GTGT đã làm cho các hộ kinh doanh không tự giác kê khai mức doanh thu đúng với thực tế. Ở đây, phải nói đến việc thất thu thuế từ các chủ thầu xây dựng nhà ở tư nhân vì họ lợi dụng kẽ hở của thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015.

Xuất phát từ việc không thực hiện chế độ đăng ký mã số thuế nhất là ở lĩnh vực vận tải tư nhân, hộ cho thuê nhà, xây dựng tư nhân, hộ kinh doanh sáng tối, hộ kinh doanh thời vụ, vắng lai ... Cạnh đó có những hộ kinh doanh hàng tháng không nộp tờ kê khai thuế. Cũng có trường hợp hộ kinh doanh xin nghỉ hoạt động, được miễn thuế nhưng thực tế vẫn kinh doanh bình thường.

Nhiều đơn vị chưa kê khai hoặc kê khai không đầy đủ các khoản thuế từ hoạt động kinh doanh; một số đối tượng nộp thuế chưa tuân thủ pháp luật trong kê khai, nộp thuế; chất lượng công tác thanh, kiểm tra còn hạn chế, còn bỏ sót một số sai phạm của doanh nghiệp trong kê khai doanh thu, chi phí, thuế GTGT đầu vào, áp dụng không đúng thuế suất thuế GTGT, kê khai ưu đãi và miễn giảm thuế TNDN không đúng quy định.

Công tác hoàn thuế, xoá nợ và miễn giảm thuế sai quy định; xác định số nợ đọng thuế chưa đầy đủ.

Đối tượng nộp thuế kê khai không trung thực, hiện tượng phổ biến là: kê khai không đúng doanh thu thực tế, khai thấp giá bán và số lượng hàng bán, để ngoài sổ sách kế toán những khoản thu đáng kể phải đánh thuế, ghi sai thuế suất những mặt hàng, hoạt động phải chịu thuế suất cao khai sang loại chịu thuế suất thấp ... để được nộp thuế thấp hơn số thuế phải nộp theo đúng luật.

Nhiều hộ kinh doanh nộp thuế chậm hoặc kéo dài thời gian nộp thuế theo thông báo của cơ quan thuế nhằm chiếm dụng tiền thuế vào hoạt động kinh doanh của đơn vị, tiền thuế không được tập trung đầy đủ, kịp thời vào Ngân sách Nhà nước.

#### ***2.4.2. Những vấn đề đặt ra từ thực tiễn thực hiện pháp luật thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh trên địa bàn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội***

*Thứ nhất, Pháp luật thuế giá trị gia tăng:* Ở nước ta về cơ bản đã đáp ứng được những yêu cầu về lý luận của pháp luật thuế GTGT cả về cấu trúc bên trong lẫn hình thức bên ngoài, cụ thể có đầy đủ các bộ phận (các nhóm quy phạm pháp luật) hợp thành của pháp luật thuế GTGT và các nhóm quy phạm pháp luật này được biểu hiện dưới các hình thức: luật, nghị định, nghị quyết, thông tư, công văn của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Các quy định của pháp luật thuế GTGT luôn tính đến các giải pháp quá độ nhằm áp dụng tốt nhất thuế GTGT trong điều kiện thực tế ở Việt Nam như

quy định khấu trừ không, mở rộng diện miễn thuế... Việc thực hiện pháp luật thuế GTGT nói chung và thuế GTGT đối với hộ kinh doanh nói riêng đã tác động lớn đến đời sống kinh tế - xã hội trên địa bàn quận Hà Đông được cải thiện nhiều hơn.

Bên cạnh những “cái được” thì những điểm chưa được như: Pháp luật thuế GTGT đối với hộ kinh doanh chưa phản ánh chuẩn xác và khoa học bản chất của thuế GTGT, thể hiện ở các quy định về đối tượng chịu thuế GTGT, đối tượng không thuộc chịu thuế GTGT điển hình phải nói đến những hộ kinh doanh xây dựng nhà ở cá nhân. Chính sách, pháp luật thuế GTGT đối với hộ kinh doanh còn nhiều kẽ hở, các hộ kinh doanh ngày càng tinh vi đã có tình lách luật mà không hề vi phạm pháp luật. Như việc quy định mức doanh thu hàng năm từ một trăm triệu đồng trở xuống không phải chịu thuế GTGT. Hay quy định tại Khoản 2, Điều 2, Thông tư 92/2015-TT-BTC thì mức thuế suất như hiện nay cho những mặt hàng, ngành hàng gây ra sự không rõ ràng, có thể biến tấu trong quá trình vận dụng, là cơ hội cho hành vi trốn thuế thông qua thuế suất, một mặt càng làm cho công việc kiểm tra càng lớn, mất nhiều chi phí của CQT. Cách tính thuế mới tưởng như minh bạch dễ tính, thế nhưng lại quy định nhiều mức thuế suất khiến cho việc lách luật dễ dàng hơn. Chẳng hạn: Thuế GTGT tính cho các ngành như sau: Hoạt động phân phối cung cấp hàng hóa là 1%; dịch vụ là 5%; dịch vụ có gắn với hàng hóa là 3%; và dịch vụ khác là 2%; Từ những mức thuế cách nhau như vậy khiến cho việc lách thuế từ hoạt động dịch vụ là 5% thì có thể gắn thêm “hàng hóa” để được giảm xuống còn 3%, hoặc từ “dịch vụ” 5% lách thành “dịch vụ khác” thì chỉ nộp 2%.

*Thứ hai, cơ chế thực hiện pháp luật thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh.*

Cơ chế thực hiện nghĩa vụ thuế GTGT hộ kinh doanh gồm đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế. Khi đề cập đến các vấn đề này

pháp luật điều chỉnh thuế GTGT cần làm rõ: sự kiện pháp lý, thời điểm phát sinh, thời hạn thực hiện, quy trình thực hiện việc đăng ký, kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế mà pháp luật thuế GTGT cần xác định rõ giá trị pháp lý của mã số thuế, tờ khai thuế, thông báo nộp thuế, quyết toán thuế. Cơ chế quản lý hộ kinh doanh theo quy trình quản lý hộ kinh doanh ban hành theo Quyết định số 2248/QĐ-TCT ngày 28/12/2012 của Tổng cục thuế như: Công tác lập bộ, duyệt bộ còn nhiều tồn tại hạn chế, tình trạng một số hộ kinh doanh không kê khai; lập kế hoạch và điều tra doanh thu thực tế còn mang tính hình thức chưa bám sát với thực tế; Công khai thông tin hộ khoán chưa đảm bảo đúng yêu cầu.

## **Kết luận chương 2**

Trong chương 2 luận văn đã đưa ra những thực trạng trong việc thực hiện pháp luật về thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh trên địa bàn quận Hà Đông. Có thể thấy việc thi hành pháp luật về thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh được thực hiện tương đối tốt. Các hộ kinh doanh đã nhận thức được quyền và nghĩa vụ của mình đối với sự phát triển của đất nước. Chính vì vậy, các cơ quan thuế ở quận cũng đã hoàn thành được nhiệm vụ quan trọng của mình khi tổng mức thu từ thuế luôn tăng trưởng, năm sau cao hơn năm trước. Tuy những kết quả đạt được rất đáng mừng nhưng bên cạnh đó vẫn còn nhiều những tồn tại hạn chế trong việc thực hiện pháp luật về thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh.

### Chương 3

## PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH TỪ THỰC TIỄN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

### 3.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh

Trước hết, phải nhận thức rằng việc hoàn thiện pháp luật thuế GTGT xuất phát từ đòi hỏi tự thân của sự phát triển của nền kinh tế thị trường và việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của nước ta hiện nay. Bản thân nền kinh tế thị trường Việt Nam có những đặc thù riêng và những đặc thù này đã có những tác động quan trọng tới quá trình hình thành, phát triển và hoàn thiện của pháp luật kinh tế nói chung và pháp luật thuế nói riêng. Vì vậy hoàn thiện pháp luật thuế GTGT hiện nay một mặt nhằm đáp ứng những yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Mặt khác, trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa thì mục tiêu bảo hộ và tạo nguồn thu thông qua thuế quan không còn mấy tác dụng, nguồn thu từ thuế xuất khẩu, nhập khẩu sẽ giảm và hạn hẹp dần, trong khi đó khả năng nâng cao nguồn thu từ thuế trực thu cũng hết sức hạn hữu, bởi mức thu nhập của dân cư ở nước ta rất thấp, nên trước mắt giải pháp khả thi hơn cả là nâng cao vai trò của các loại thuế gián thu trong đó vai trò của thuế GTGT là hết sức quan trọng. Vì vậy, việc hoàn thiện pháp luật thuế GTGT là một tất yếu để đảm bảo nguồn thu ngân sách nhà nước. Xuất phát từ những vấn đề đặt ra việc hoàn thiện pháp luật thuế GTGT phải đảm bảo các phương hướng cơ bản sau:

Trước hết pháp luật thuế GTGT phải ghi nhận đầy đủ các nội dung chủ yếu của việc điều chỉnh pháp luật thuế, đồng thời phản ánh đúng, đủ, chuẩn xác và khoa học bản chất của thuế GTGT, đảm bảo thuế GTGT là loại thuế



gián thu mang bản chất liên hoàn và tính trung lập kinh tế cao.

Hoàn thiện pháp luật thuế GTGT phải gắn liền và trên cơ sở hoàn thiện chính sách thuế GTGT. Pháp luật thuế phản ánh, thể hiện và nhằm thực hiện các chính sách thuế trong đó góp phần đảm bảo thực hiện các mục tiêu và chức năng của thuế như đảm bảo nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

Hoàn thiện pháp luật thuế GTGT theo hướng đơn giản, ổn định, công bằng, hiệu quả và đáp ứng xu thế hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay, đồng thời phát huy vai trò đảm bảo nguồn thu cho ngân sách nhà nước của thuế GTG trong điều kiện cắt giảm thuế quan.

Hoàn thiện pháp luật thuế GTGT phải gắn liền với sự hoàn thiện của cả hệ thống pháp luật thuế.

### **3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh**

#### ***3.2.1. Sửa đổi, bổ sung một số quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng***

*Thứ nhất, Về đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng.*

Đối tượng chịu thuế GTGT là: “hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam”. Những đối tượng hiện nay pháp luật thuế GTGT quy định không thuộc diện chịu thuế GTGT phải chuyển thành những đối tượng được miễn trừ thuế GTGT. Vì khi nói đến đối tượng không thuộc diện chịu thuế GTGT là nói đến đối tượng không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật thuế GTGT, còn khi nói đối tượng được miễn trừ thuế GTGT là nói đến hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật thuế GTGT nhưng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cụ thể là Quốc hội – cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, quyết định cho miễn trừ nghĩa vụ thuế bởi một điều luật đặc biệt.

Để đảm bảo thuế GTGT là thuế tiêu dùng đánh trên bình diện rộng, có tính liên hoàn và trung lập kinh tế cao, pháp luật thuế GTGT cần phải thu hẹp

diện miễn trừ thuế GTGT bằng cách chuyển một số “ hàng hóa, dịch vụ” hiện nay đang nằm trong diện “không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT” sang diện đối tượng chịu thuế GTGT hoặc loại bỏ một số hàng hóa, dịch vụ đang nằm trong phạm vi này, tức là mở rộng đối tượng thuộc diện chịu thuế GTGT.

Trong quá trình thúc đẩy hội nhập quốc tế hiện nay theo tôi nên đưa các dịch vụ xuất khẩu vào diện chịu thuế GTGT và áp dụng mức thuế suất 0% như hàng hóa xuất khẩu.

Bỏ khoản 25 điều 5 của Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 được sửa đổi ngày 19/6/2013 “ Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ 100 triệu đồng trở xuống” vì tính thiếu thực tế của điều luật này. Điều này làm cho các hộ kinh doanh lách luật không nộp thuế. Vì vậy nên mở rộng đối tượng chịu thuế GTGT kể cả các hộ kinh doanh có mức thu nhập từ 100 triệu đồng/ năm trở xuống.

*Thứ hai, Về thuế suất thuế giá trị gia tăng.*

Hiện nay, ở nước ta số lượng thuế suất quá nhiều làm cho chính sách thuế phức tạp khó quản lý dễ bị lợi dụng làm thất thu cho NSNN. Trái lại các mức thuế suất quá ít, nhà nước khó thực hiện được nhiều chính sách xã hội nhưng có ưu điểm tính đơn giản, dễ hiểu, dễ áp dụng, hạn chế tình trạng thất thu thuế. Trong điều kiện nền kinh tế nước ta hiện nay, để khắc phục những tác động không tốt đối với nền kinh tế, xã hội của thuế GTGT. Chính sách thuế GTGT ở nước ta chỉ nên quy định một mức thuế suất chung duy nhất áp dụng cho các loại hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh và tiêu dùng trong nước là 10%, trừ thuế suất 0% áp dụng cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu. Đặc biệt đối với hộ kinh doanh mức thuế suất thuế GTGT quy định cho các mặt hàng nên để một mức là 2 hoặc 3%. Bởi kinh nghiệm cho thấy, thuế suất hợp lý thì thu được nhiều thêm cho NSNN, ngược lại thuế suất cao thì các nhà sản xuất kinh doanh tìm mọi cách trốn thuế, kết quả là Nhà nước

thất thu thuế, và cơ sở sản xuất kinh doanh vẫn bị thiệt, làm phát sinh tiêu cực trong đội ngũ cán bộ thuế. Vấn đề hiện nay là giảm số lượng tối đa còn một mức thuế suất. Điều chỉnh mức thuế suất để đảm bảo nguồn thu cho NSNN trong khi thực hiện lộ trình cắt giảm thuế nhập khẩu khi Việt Nam tham gia AFTA. Mức thuế suất đề xuất là 2 hoặc 3%.

### ***3.2.2. Sửa đổi, bổ sung một số quy định của pháp luật quản lý thuế giá trị gia tăng***

*Về đăng ký mã số thuế:* Xuất phát từ thực trạng việc không thực hiện chế độ đăng ký mã số thuế nhất là ở lĩnh vực vận tải tư nhân, hộ cho thuê nhà, xây dựng tư nhân, hộ kinh doanh thời vụ, vắng lai v.v... Vì vậy cần có các quy định chặt chẽ trong việc đăng ký mã số thuế ở các lĩnh vực trên.

*Về công tác quản lý hóa đơn thuế:* Hiện nay công tác quản lý hóa đơn, chứng từ ngành thuế còn lỏng lẻo nên một số đối tượng nộp thuế lợi dụng sơ hở, mua khống hóa đơn nhằm mục đích trốn thuế, lậu thuế. Vì vậy cần bổ sung quy định hộ kinh doanh phải xuất hóa đơn khi cung cấp hàng hóa dịch vụ và lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ. Cơ quan thuế cần phải xử lý nghiêm các trường hợp giả mạo hóa đơn chứng từ đối với các hộ kinh doanh, cũng như đối với trường hợp cán bộ thuế thông đồng với các đối tượng nộp thuế nhằm thu lợi cho riêng mình.

### **3.3. Các giải pháp tăng cường quản lý hộ kinh doanh trên địa bàn quận Hà Đông**

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế việc thất thu thuế và đưa các hộ kinh doanh vào nề nếp, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ thu ngân sách cũng như thực hiện pháp luật thuế GTGT thì Chi cục thuế Hà Đông cần thực hiện các giải pháp sau:

#### ***3.3.1. Công tác quản lý đối tượng***

Quản lý đối tượng lập sơ đồ hộ kinh doanh theo địa bàn phường và chi tiết đến số nhà, ngõ xóm, loại hình quản lý hộ kinh doanh. Thường xuyên rà

soát địa bàn đảm bảo quản lý 100% các hộ kinh doanh trên địa bàn quận, trong đó chú trọng rà soát và đưa vào quản lý thuế đối với các hộ kinh doanh ngoài giờ hành chính.

Công tác cấp mã số thuế cho hộ, cá nhân kinh doanh: Rà soát hộ, cá nhân kinh doanh chưa có mã số thuế trên địa bàn để thực hiện cấp mã số thuế đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định; đồng thời thông báo cho các cơ quan chức năng để đưa MST của hộ vào hệ thống thông tin của các cơ quan quản lý có liên quan. Thường xuyên kiểm tra, lập danh sách các hộ đã nghỉ hẳn, bỏ hoặc thực tế không kinh doanh để tiến hành các thủ tục đóng mã số thuế.

Công tác quản lý đối tượng trên các ứng dụng: Chi cục thuế Hà Đông cần quản lý 100% đối tượng nộp thuế trên ứng dụng. Đối với các hộ kinh doanh hiện đang quản lý ngoài ứng dụng, Chi cục thuế thực hiện hoàn thiện hồ sơ để cấp mã số thuế cho hộ kinh doanh. Trường hợp hộ kinh doanh không thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan thuế, Chi cục thuế báo cáo UBND quận để chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp để hoàn thiện hồ sơ cấp mã số thuế cho hộ kinh doanh. Rà soát 100% các hộ kinh doanh hiện đang quản lý, đối chiếu với ngành nghề hiện đang quản lý trên sổ bộ nhằm kịp thời phát hiện các trường hợp hiện đang quản lý sai ngành nghề để điều chỉnh kịp thời, tránh gây thất thu NSNN.

Công tác quản lý đối với một số loại hình hộ kinh doanh: Đối với hộ kê khai: Thực hiện kiểm tra tình hình kê khai, chế độ sổ sách hóa đơn, chứng từ, nếu không đảm bảo điều kiện thực hiện chế độ kế toán theo quy định thì chuyển đổi sang quản lý theo phương pháp khoán (trừ các hộ kinh doanh vàng, bạc, đá quý). Đối với các hộ hoạt động xây dựng nhà tư nhân: Tăng cường công tác rà soát địa bàn để kịp thời hướng dẫn NNT kê khai và thực hiện nghĩa vụ thuế.

### ***3.3.2. Công tác quản lý hộ kinh doanh***

Đối với các hộ chưa thực hiện kê khai và nộp tờ khai, Chi cục thuế rà soát, vận động, đôn đốc hộ kinh doanh thực hiện kê khai đúng, đủ. Trường hợp hộ kinh doanh không thực hiện hướng dẫn của cơ quan thuế, Chi cục thuế cần báo cáo UBND quận để chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp cùng cơ quan thuế hướng dẫn hộ kê khai và nộp tờ khai.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc kê khai của hộ kinh doanh để kịp thời phát hiện và hướng dẫn hộ kê khai đúng, đủ doanh thu sát với thực tế kinh doanh.

Nâng cao hiệu quả công tác lập kế hoạch và điều tra danh thu thực tế để tạo cơ chế hệ thống cơ sở dữ liệu về doanh thu của cơ quan thuế trong công tác vận động, đấu tranh với người nộp thuế khi thực hiện kê khai doanh thu.

### ***3.3.3. Quản lý doanh thu, mức thuế***

Thường xuyên rà soát, kiểm tra tình hình kinh doanh, chế độ sổ sách hóa đơn của các hộ nộp thuế theo phương pháp kê khai, trong trường hợp NNT kê khai thuế không phù hợp với thực tế kinh doanh, Chi cục thuế yêu cầu các đội thuế đấu tranh với NNT để đảm bảo kê khai thuế đúng, đủ, phù hợp, Trường hợp hộ kê khai không đầy đủ chế độ sổ sách hóa đơn, chứng từ thì Chi cục thuế thực hiện ổn định doanh thu, mức thuế và chuyển sang thu theo phương pháp khoán.

Rà soát 100% hộ có doanh thu dưới ngưỡng chịu thuế đảm bảo quản lý thu thuế đối với các hộ có doanh thu trên 100 triệu đồng/năm.

Thường xuyên rà soát, kiểm tra thực tế địa bàn, đảm bảo quản lý doanh thu sát với thực tế kinh doanh của hộ.

Tăng cường kiểm tra, rà soát để đưa vào quản lý thuế đối với các hộ kinh doanh ngoài giờ hành chính.

Lãnh đạo Chi cục thuế có trách nhiệm giám sát chặt chẽ công tác lập bộ, ghi thu thuế đối với các hộ kinh doanh. Tại cùng một địa chỉ, cùng một

ngành nghề kinh doanh, cán bộ đội thuế liên phường phải xác định nguồn gốc, mối liên hệ của hộ ra kinh doanh với chủ hộ vừa nghỉ, bỏ kinh doanh. Nghiêm cấm tình trạng điều chỉnh doanh thu, mức thuế vào hộ nghỉ hẳn kinh doanh; hộ mới ra kinh doanh tại địa chỉ cũ, có cùng quy mô ngành nghề nhưng doanh thu, mức thuế thấp hơn hộ đã nghỉ hẳn trước đây. Nếu phát hiện ra những trường hợp nêu trên, Chi cục thuế cần có hình thức kỷ luật đối với các cá nhân có liên quan.

Phối hợp với các cơ quan chức năng như: Công an quản lý thị trường, thanh tra xây dựng... để kịp thời phát hiện các trường hợp kinh doanh nhưng chưa kê khai nộp thuế.

#### ***3.3.4. Công tác quản lý hóa đơn, chứng từ***

Thực hiện rà soát, đánh giá các hộ kinh doanh sử dụng hóa đơn. Tránh để một số doanh nghiệp lợi dụng cơ chế hoàn thuế GTGT đã lập hóa đơn chứng từ không đầu vào để xin hoàn thuế, rút tiền NSNN. Cần khuyến khích người dân khi đi mua hàng lấy hóa đơn. Thường xuyên đối chiếu, kiểm tra hóa đơn tránh các hộ kinh doanh lợi dụng thường viết liên 2 cao hơn gấp nhiều lần liên

#### ***3.3.5. Kiểm tra, kiểm soát hộ nghỉ kinh doanh***

Đội kiểm tra nội bộ có trách nhiệm kiểm tra 100% hộ nghỉ kinh doanh trong tháng, đặc biệt trong các tháng cao điểm (trước và sau tết), tránh tình trạng hộ có đơn nghỉ nhưng thực tế vẫn kinh doanh.

#### ***3.3.6. Công tác đơn đốc thu***

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn hộ kinh doanh nộp thuế trực tiếp tại Ngân hàng.

Đối với các hộ kê khai: Đơn đốc NNT thực hiện nộp 100% thuế khi đến kỳ kê khai. Nếu trong tháng không đạt tỷ lệ trên, cán bộ Đội thuế liên phường giải trình rõ nguyên nhân, trách nhiệm của từng bộ phận.

Đối với các hộ khoán: Do sự thay đổi của chính sách thuế về thời hạn

nộp thuế của hộ khoán có ảnh hưởng lớn đến công tác quản lý của Chi cục thuế vì vậy phải triển khai nhiều giải pháp đồng bộ nhằm đảm bảo đơn đốc NNT thực hiện đúng, đủ nghĩa vụ thuế, cụ thể: Đối với các hộ có nhu cầu nộp thuế theo tháng, Chi cục thuế tạo điều kiện tối đa để NNT thực hiện nghĩa vụ thuế. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát địa bàn để kịp thời đơn đốc NNT thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế trước khi nghỉ hẳn kinh doanh cũng như kịp thời báo cáo chính quyền địa phương để chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp với CQT đơn đốc số thuế còn nợ NSNN của các hộ kinh doanh.

### ***3.3.7. Công tác quản lý và cưỡng chế nợ thuế hộ kinh doanh***

Tăng cường công tác đơn đốc thu thuế hàng tháng, giảm thiểu tối đa nợ mới phát sinh. Tích cực triển khai các biện pháp đơn đốc, thu hồi và cưỡng chế nợ, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu thu nợ hàng năm. Trường hợp NNT chây ỳ thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thuế, Chi cục thuế phối hợp với chính quyền địa phương thông báo trên loa truyền thanh của phường.

### ***3.3.8. Nâng cao tinh thần, trách nhiệm của các bộ phận trong việc thực hiện các giải pháp quản lý thuế hộ kinh doanh***

Thực hiện, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các cán bộ được phân công quản lý hộ kinh doanh.

Cán bộ đội thuế liên phường thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện

Cán bộ đội thuế liên phường nghiêm túc thực hiện theo sự chỉ đạo của lãnh đạo chi cục thuế. Nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công tác quản lý NNT, không ỷ lại.

Các đội chức năng tăng cường chất lượng công tác tổng hợp, báo cáo, tham mưu lãnh đạo Chi cục thuế để kịp thời chỉ đạo tháo gỡ vướng mắc quản lý thuế hộ kinh doanh đối với nghiệp vụ đội được phân công.

### **3.4. Cơ chế đảm bảo thực hiện pháp luật về thuế giá trị gia tăng**

#### ***3.4.1 Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý thuế nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý thuế***

Con người luôn là yếu tố quyết định đến sự thành công hay thất bại trong mọi lĩnh vực quản lý. Trong bộ máy quản lý thuế thì đội ngũ công chức thuế là bộ phận quan trọng, góp phần vào việc xây dựng hệ thống chính sách thuế cho phù hợp, khoa học minh bạch để đề xuất áp dụng các phương pháp quy trình và các biện pháp nghiệp vụ quản lý thuế hợp lý đảm bảo tính tiên tiến hiện đại hiệu quả. Bộ máy quản lý thuế có vai trò quyết định đến toàn bộ hệ thống thuế. Nếu bộ máy quản lý thuế được tổ chức hợp lý thực hiện đầy đủ toàn bộ hệ thống thuế thì hiệu quả quản lý sẽ cao. Ngược lại, một cơ cấu tổ chức quản lý không phù hợp sẽ kìm hãm, làm suy yếu tổ chức và hạn chế tác dụng của bộ máy.

Tiêu chuẩn hoá đội ngũ cán bộ thuế giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức tốt. Trong tình hình hiện nay đào tạo những cán bộ giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, có phẩm chất đạo đức tốt là một việc làm hết sức cấp bách, nhất là trong một ngành đặc thù như ngành thuế. Vì vậy, Chi cục Thuế cần khuyến khích và tạo điều kiện cho các cán bộ theo học các lớp để nâng cao trình độ cho cán bộ như các lớp đào tạo bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ. Tăng cường phổ biến những kinh nghiệm, những điển hình tốt trong công tác trong công tác thu thuế ở các địa phương khác. Chi cục cũng nên tổ chức các cuộc hội thảo, thảo luận theo chuyên đề về thuế và các nghiệp vụ thu để cán bộ có điều kiện trao đổi kinh nghiệm với nhau. Coi đây là một trong những giải pháp nhằm nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ chuyên quản.

Gắn chặt quyền lợi và trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, trên cơ sở đó mà kích thích tinh thần phấn đấu công tác hoàn thành nhiệm vụ. Chi cục cũng cần có một qui chế định rõ quyền hạn và trách nhiệm



của cán bộ, nhân viên trong ngành thuế. Kiên quyết đưa ra khỏi ngành những cán bộ yếu về năng lực, thoái hoá biến chất để làm trong sạch và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thuế. Phải thường xuyên liên tục bồi dưỡng giáo dục phẩm chất đạo đức, tác phong cho cán bộ và thực hiện tốt 10 điều kỷ luật của ngành thuế, tổ chức các đợt thi đua ( cán bộ thuế giỏi) nhằm tác động tích cực đến việc hoàn thành nhiệm vụ công tác.

Tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của cơ quan thuế và các cấp, các ngành có liên quan: Trong công tác quản lý thuế nói chung và đẩy mạnh thu thuế Giá trị gia tăng nói riêng cần phối hợp chặt chẽ với các ngành có liên quan nhằm giúp đỡ Chi cục thuế hoàn thành nhiệm vụ của mình. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thuế trong công tác quản lý thu thuế. Chi cục thuế phải thông xuyên thông báo với các cấp chính quyền địa phương về tình hình kết quả thu thuế, thực trạng thất thu thuế để từ đó tăng cường phối kết hợp quản lý thu thuế và chống thất thu thuế. Tăng cường phối kết hợp với các cơ quan báo chí, phát thanh truyền hình đẩy mạnh công tác tuyên truyền thuế một cách thường xuyên và liên tục.

Đẩy mạnh công tác luân chuyển các bộ, nhằm bố trí đúng người đúng việc, cũng như phát huy đúng năng lực làm việc của từng người. Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của cán bộ thuế.

Khuyến khích việc sáng tạo, tìm tòi, nghiên cứu trong cán bộ ngành. Phát huy tinh thần năng động, nắm bắt thực tiễn, nhằm xây dựng hình ảnh cán bộ thuế nhanh nhạy, am hiểu thực tế. Không những nắm vững chuyên môn nghiệp vụ thuế mà còn nắm vững nghiệp vụ kế toán. Để công tác quản lý thực sự hiệu quả hơn.

Kiểm tra, rà soát, đánh giá phân loại đội ngũ cán bộ công chức hiện có theo yêu cầu của cải cách hành chính và hiện đại hóa ngành thuế, từ đó có kế hoạch bồi dưỡng và đào tạo lại công chức thuế, đặc biệt là đào tạo chuyên sâu theo chức năng quản lý thuế, nắm vững các kỹ năng quản lý thuế hiện đại.

Bên cạnh đó nâng cao trình độ hiểu biết về lý luận chính trị, tính tuân thủ pháp luật của cán bộ thuế.

Thường xuyên đánh giá mức độ hoàn thành công việc của các đội, cá nhân. Bên cạnh đó công tác khen thưởng và phê bình cũng phải được thực hiện thường xuyên, liên tục. Tuyên dương những cán bộ đạt thành tích cao trong công việc, đồng thời nghiêm khắc phê bình, kỷ luật những cán bộ có hành vi tham ô, nhận hối lộ, tiếp tay cho hộ kinh doanh vi phạm quy định pháp luật thuế.

### ***3.4.2 Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế***

Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền chính sách thuế GTGT đến mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội để mọi người hiểu rõ bản chất và nắm được những ưu điểm của thuế GTGT, tránh những hiểu lầm, nhận thức không đúng, gây ngộ nhận do không hiểu biết về thuế GTGT tạo nên khe hở cho người khác lợi dụng, gây bất an cho nhân dân. Đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm và quyền lợi nghĩa vụ đối với công dân trong việc tự giác nộp thuế.

Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra thuế, thực hiện đồng bộ nghiêm túc các biện pháp kinh tế. Phối hợp chặt chẽ giữa các CQT với các cơ quan quản lý thị trường, cơ quan thực thi pháp luật để kiểm tra, phát hiện và xử lý nghiêm túc đối với các trường hợp in ấn hóa đơn giả, buôn bán hóa đơn giả và hóa đơn thật, các trường hợp chứng từ, hợp đồng giả, không để trốn thu gây thất thu cho NSNN.

Cần cung cấp đầy đủ trang thiết bị, trang bị hệ thống máy tính đầy đủ hoạt động tốt, kết nối mạng để đảm bảo cho việc thu thập thông tin nhanh chóng, chính xác, kịp thời để phục vụ cho công tác quản lý thu thuế.

Thực hiện khai thác và ứng dụng phần mềm của Tổng cục Thuế, xây dựng hệ thống mạng liên kết giữa các ngành có liên quan như : ngân hàng, kho bạc Nhà nước... Tiếp tục triển khai mở rộng thực hiện các dự án quản lý thuế như triển khai mở rộng dự án kê khai thuế qua mạng internet, dự án nộp thuế qua

ngân hàng, dự án nộp thuế điện tử, nhằm rút ngắn thời gian trong công việc cung cấp số liệu, thông tin về NNT phục vụ cho công tác quản lý thuế tốt hơn.

Tiếp tục nâng cao hiện đại hóa ngành thuế, các phần mềm ứng dụng hỗ trợ cho công tác quản lý thu thuế. Xây dựng và hoàn thiện trang web riêng để phục vụ các đối tượng nộp thuế, xem đây là nơi các đối tượng nộp thuế trao đổi thông tin với CQT và các ngành chức năng, tạo điều kiện cho các hộ kinh doanh trao đổi kinh nghiệm sản xuất kinh doanh và việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Triển khai đa dạng các hình thức tuyên truyền, tổ chức tập huấn, đối thoại với NNT, nội dung tuyên truyền tập trung vào những sửa đổi bổ sung chính sách thuế, chương trình cả cách và hiện đại hóa công tác thuế.

Duy trì và phát huy trang thông tin điện tử của ngành, nâng cao chất lượng tin bài, xây dựng các diễn đàn trên mạng để các doanh nghiệp thường xuyên trao đổi kinh nghiệm quản lý và đưa ra những thắc mắc của mình đối với các cơ quan chức năng.

Mở các buổi tọa đàm đối thoại trực tiếp với các doanh nghiệp, mở các cuộc thi tìm hiểu về thuế, thi sáng tác tranh ảnh, cổ động về ngành thuế.

Mở các cuộc thi báo cáo, tuyên truyền viên giỏi về thuế, đây là cơ hội để các cán bộ thuế trong toàn ngành có điều kiện gặp gỡ, giao lưu, và trao đổi kinh nghiệm quản lý thu thuế với nhau.

Tăng cường hướng dẫn, thúc đẩy công tác kế toán, quản lý sử dụng hóa đơn chứng từ ở các doanh nghiệp thông qua các buổi tập huấn, nâng cao hiểu biết về công tác hạch toán thuế cho các doanh nghiệp trên địa bàn quận.

Phối hợp với cơ quan truyền hình, báo chí trong việc biểu dương kịp thời các điển hình tiêu biểu trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế, phê phán nghiêm khắc kịp thời các hành vi gian lận, trốn thuế.

### ***3.4.3. Cải cách đồng bộ hệ thống thể chế quản lý kinh tế xã hội***

Để việc quản lý thuế thành công đều cần phải có những điều kiện nhất định trong đó môi trường quản lý (bao gồm môi trường văn hoá và chính trị, môi trường kinh tế và môi trường pháp luật) là một điều kiện quyết định.

Môi trường văn hoá ở đây thể hiện thông qua cách nhìn nhận của người dân đối với những chính sách của Chính phủ, thái độ tuân thủ trong việc thực hiện những quy định của Luật thuế và thái độ của công chúng đối với những hành vi vi phạm pháp luật thuế. Trong một quốc gia, nếu người dân nhận thức được một cách đầy đủ và có thái độ tích cực đối với hệ thống thuế, có thái độ phê phán đối với những người vi phạm pháp luật thì công tác quản lý thuế mới đạt được kết quả tốt đẹp. Bên cạnh đó môi trường chính trị cũng là một điều kiện quan trọng. Nếu việc quản lý thuế bị chi phối bởi ý muốn hay yêu cầu của một nhóm đối tượng nào đó thì những biện pháp quản lý sẽ bị sai lệch, không đạt được mục tiêu quản lý. Thêm nữa, tệ nạn tham nhũng, cửa quyền trong những người thi hành pháp luật là một trong những nhân tố gây giảm sút lòng tin trong dân chúng và sự chấp nhận của dân chúng đối với Chính phủ.

Sự phát triển của hệ thống tài chính, đặc biệt là việc sử dụng phương thức thanh toán qua ngân hàng làm cho các giao dịch trở nên dễ kiểm soát hơn và việc quản lý thuế sẽ dễ dàng hơn rất nhiều. Bên cạnh đó, hệ thống kế toán hiện đại cũng chính là tiền đề cần thiết để áp dụng những sắc thuế tiên tiến như thuế GTGT ...

Việc theo đuổi nhiều mục tiêu khác nhau (cả về chính sách xã hội và mục tiêu kinh tế) trong mỗi luật thuế sẽ dẫn đến những rắc rối không cần thiết, gây ra những chi phí không đáng có cho người nộp thuế và quản lý thuế, sẽ làm giảm tính hiệu quả của công tác quản lý thuế. Vì vậy, cần phải có môi trường luật pháp rõ ràng theo kịp những thay đổi của thời đại.

#### ***3.4.4 Tăng cường công tác tư vấn thuế đối với các hộ kinh doanh***

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đảm bảo thu đúng thu đủ, kịp thời, khắc phục tình trạng nợ đọng thuế, cần có sự phối hợp thường xuyên chặt chẽ giữa kho bạc, ngân hàng nơi đối tượng nộp thuế để nhắc nhở các hộ kinh doanh nộp đúng, nộp đủ vào NSNN. Tiếp tục thực hiện và nâng cao, hiện đại hóa hơn nữa quy trình quản lý thu nộp thuế giữa CQT, kho bạc nhà nước hải quan, tài chính.

Bộ phận quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế của Chi cục cần phối hợp chặt chẽ với Đội Kế khai kế toán thuế, và tin học, các Đội kiểm tra trong công tác quản lý nợ thuế. Tổng hợp phân tích, đánh giá tình hình nợ đọng thuế theo đúng quy định, tiến hành phân loại các khoản nợ, tiếp tục thực hiện chốt nợ để xây dựng và bổ sung cơ sở dữ liệu, tạo thuận lợi cho công tác quản lý thuế, báo cáo thường xuyên tình trạng nợ của từng hộ kinh doanh, đặc biệt những hộ kinh doanh có số thuế nợ đọng nhiều, kéo dài. Đối với các khoản nợ thuế mà đối tượng nộp thuế có khả năng nộp nhưng chưa thực nộp, cán bộ thuế cần tiến hành đôn đốc nhắc nhở bằng văn bản, điện thoại... Nếu hộ kinh doanh không thực hiện thì căn cứ vào điều kiện cụ thể và áp dụng các biện pháp cưỡng chế phù hợp theo quy định của pháp luật. Với hộ kinh doanh gặp khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ cần có biện pháp giúp đỡ, giãn thời gian nộp thuế và xây dựng kế hoạch thu nợ phù hợp với tình hình của hộ kinh doanh đồng thời xem xét việc miễn giảm thuế theo quy định của Luật quản lý thuế. Còn các khoản nợ mà hộ kinh doanh đáng khiếu nại thì nhanh chóng giải quyết và đôn đốc nộp vào NSNN.

Phải có chế độ thưởng phạt đối với cán bộ chuyên quan trong việc đôn đốc thu nộp thuế, cũng như các hộ kinh doanh

Phối hợp với các cơ quan ban ngành để làm tốt công tác tuyên truyền chính sách thuế cũng như các cơ quan luật pháp, công an... để xử lý, răn đe các hộ kinh doanh nợ đọng tiền thuế, cố tình không nộp thuế.

Việc nộp thuế theo cơ chế tự kê khai, tính thuế, nộp thuế đã nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của đối tượng nộp thuế. Quy trình này đã giảm tới mức tối thiểu mối quan hệ trực tiếp giữa cán bộ thuế với các đối tượng nộp. Để thực hiện công tác kiểm tra một cách hiệu quả trong cơ chế thu mới, Cục Thuế và các Chi cục thuế cần thực hiện một số biện pháp sau :

+ Tổ chức tốt công tác kiểm tra trên cơ sở thu thập, phân tích thông tin quản lý rủi ro. Tăng cường kiểm tra theo chuyên đề: chống thất thu thuế, tập trung kiểm tra các hộ kinh doanh có dấu hiệu vi phạm. Đẩy mạnh các biện pháp chống buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế, lậu thuế.

+ Đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở Chi cục nhằm phát hiện, xử lý các trường hợp kê khai sai, kê khai thiếu thuế phải nộp

+ Đơn đốc thu hồi kịp thời đối với số tiền phát hiện qua kiểm tra vào ngân sách theo kết quả của CQT, của cơ quan kiểm tra các cấp...

+ Cần có biện pháp xử lý nghiêm minh, kịp thời đối với những trường hợp vi phạm, đặc biệt đối với các tình trạng vi phạm nghiêm trọng kiên quyết truy tố trước pháp luật để giáo dục răn đe các đối tượng khác.

### **Kết luận chương 3**

Trên cơ sở những thực trạng về việc thực hiện pháp luật về thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh trên địa bàn quận Hà Đông, luận văn đưa ra những quan điểm về hoàn thiện pháp luật về thuế GTGT đối với hộ kinh doanh. Cụ thể, việc hoàn thiện pháp luật về thuế GTGT đối với hộ kinh doanh phải đảm bảo những phương hướng cơ bản như pháp luật thuế phải phản ánh đúng bản chất của thuế GTGT. Việc hoàn thiện luật thuế GTGT cho hộ kinh doanh cần theo hướng đơn giản, công bằng và hiệu quả để hầu hết các hộ kinh doanh đều có thể hiểu và tuân thủ một cách tự nguyện việc thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước.

## KẾT LUẬN

Thực tế cho thấy kể từ khi bắt đầu áp dụng Luật thuế GTGT cho đến nay thì pháp luật về thuế giá trị gia tăng về cơ bản đã đáp được những yêu cầu về điều chỉnh các mối quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình thực hiện pháp luật. Các quy định của thuế GTGT đã phản ánh đúng những nội dung yêu cầu của chính sách thuế cũng như đã thể hiện những mục tiêu, định hướng và chủ trương của nhà nước trong việc áp dụng luật thuế GTGT.

Trong luận văn này, tác giả đã thực hiện việc khái quát lại một cách có hệ thống các khái niệm về thuế giá trị gia tăng, hộ kinh doanh và thuế giá trị gia tăng về hộ kinh doanh. Trên cơ sở những lý luận về pháp luật trên để thấy việc thực hiện pháp luật về thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh ở địa bàn quận Hà Đông thành phố Hà Nội. Về cơ bản, việc thực hiện pháp luật về thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh của quận Hà Đông đã thực hiện tương đối tốt. Công tác quản lý thuế GTGT đối với hộ kinh doanh đã đạt được những yêu cầu đặt ra cả về số thu vào NSNN và về công tác ổn định luật thuế GTGT. Giúp cho người nộp thuế nâng cao nhận thức và chấp hành pháp luật, đặc biệt các chính sách pháp luật về thuế nhằm tạo ra sự công bằng bình đẳng trong kinh doanh.

Nhưng bên cạnh những thành công cũng tồn tại không ít những hạn chế cần khắc phục. Những hạn chế có thể kể đến như những vướng mắc phát sinh trong thực tế do sự bất cập của pháp luật về thuế GTGT, phạm vi áp dụng thuế, phương pháp tính thuế, miễn giảm thuế và đặc biệt bộ máy quản lý thuế vẫn chưa hoàn thiện. Chính vì vậy, luận văn đã đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện luật thuế GTGT, đồng thời có một số giải pháp cụ thể cho việc sửa đổi bổ sung luật thuế GTGT nhằm nâng cao tính hiệu quả của việc áp dụng thuế GTGT ở nước ta hiện nay.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng đây là vấn đề còn mới và phức tạp nên luận văn khó tránh khỏi những khuyết điểm, rất mong các thầy cô giáo đóng góp ý kiến để luận văn được hoàn thiện hơn và có thể đóng góp tốt hơn vào lĩnh vực nghiên cứu này.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính ( 1993), *Quyết định số 468 TC/QĐ – TCT ngày 5/7 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc thí điểm thu thuế giá trị gia tăng Hà Nội.*
2. Bộ Tài chính ( 1993), *Mô hình áp dụng thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Hà Nội*
3. Bộ Tài chính ( 1998) *Chính sách thuế trong điều kiện mở rộng quan hệ với các khu vực c kinh tế thương mại quốc tế, Đề tài nghiên cứu trong khoa học cấp Bộ, Hà Nội*
4. Bộ Tài chính ( 2008) *Cải cách cơ cấu thu ngân sách, Hà Nội*
5. Bộ Tài chính (2013) *thông tư số 219/2013/TT – BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng và hướng dẫn thi hành Nghị định 209/2013/NĐ – CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ, Hà Nội.*
6. Chính phủ ( 2013), *Dự án Luật thuế giá trị gia tăng, Hà Nội.*
7. Chính phủ ( 2010) *Nghị định của Chính phủ số 43/2010/NĐ – CP ngày 15/4/2010 về đăng ký kinh doanh*
8. Chính Phủ ( 2006) *Nghị định của Chính phủ số 88/2006/ NĐ – CP ngày 29/08/2006 về đăng ký kinh doanh.*
9. C.Mác – Ph. Ăn ghen ( 1962) *Tuyển tập tập 3, NXB Sự thật, Hà Nội*
10. Chính Phủ ( 2006) *Nghị định của Chính phủ số 88/2006/ NĐ – CP ngày 29/08/2006 về đăng ký kinh doanh.*
11. Chính phủ ( 2008) *Nghị định số 123/2008/ NĐ – CP ngày 8/12 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Hà Nội*
12. Chính phủ ( 2010) *Nghị định của Chính phủ số 43/2010/NĐ – CP ngày 15/4/2010 về đăng ký kinh doanh*
13. Chính phủ ( 2013), *Dự án Luật thuế giá trị gia tăng, Hà Nội.*



14. Chính phủ ( 2013), Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật thuế GTGT, Hà Nội
15. Chính phủ ( 2013) *Tờ trình số 161/TT – Cp ngày 23/4/2013 về án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi, Hà Nội*
16. Cục thuế Hà Đông ( 2013) số 469/ BC – CT ngày 30/10/2013 báo cáo kết quả kiểm tra chuyên đề quản lý thuế đối với hộ kinh doanh khoán thuế
17. Cục thuế Hà Đông ( 2015) số 4317/ BC – CT báo cáo kết quả triển khai, thực kế hoạch số 257/ KH – CT ngày 10/07/2013 triển khai thực hiện đề án chống thất thu thuế khu vực cá thể năm 2013
18. Đảng Công sản Việt Nam, “ Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam” Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 47 ( 1986), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006
19. Đảng Cộng Sản Việt Nam “ Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa VI”
20. Trần Đình Hào, Nguyễn Thị Thương Huyền(2003), “*Pháp luật thuế giá trị gia tăng những vấn đề lý luận và thực tiễn*” NXB Tài Chính.
21. Nguyễn Thị Thương Huyền (2002), “*Những vấn đề pháp lý về việc áp dụng thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam*”
22. Nghị định 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2012 về đăng ký doanh nghiệp
23. Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 về đăng ký doanh nghiệp
24. Nghị định 91/2014/NĐ-CP sửa đổi các Nghị định quy định về thuế
25. Nghị định 92/2013/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều có hiệu lực từ ngày 01/07/2013 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng

26. Nghị định 100/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế TTĐB và Luật quản lý thuế.
27. Trương Thị Hồng Nhung (2013), *Pháp luật về quản lý thuế giá trị gia tăng tại Việt Nam*
28. Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 và Luật số 21/2012/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế;
29. Lê Thị Bích Liên (2001), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn pháp luật thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam*
30. Thông tư 119/2014/TT-BTC sửa đổi Thông tư 156/2013/TT-BTC, 111/2013/TT-BTC, 219/2013/TT-BTC, 08/2013/TT-BTC, 85/2011/TT-BTC, 39/2014/TT-BTC và 78/2014/TT-BTC để cải cách, đơn giản thủ tục hành chính về thuế do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành
31. Thông tư 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng
32. Thông tư 130/2016/TT-BTC Hướng dẫn Luật thuế GTGT, TTĐB, Quản lý thuế
33. Thông tư 193/2015/TT-BTC sửa đổi, bổ sung thông tư số 219/2013/tt-btc ngày 31/12/2013 của bộ tài chính hướng dẫn thi hành luật thuế giá trị gia tăng và nghị định số 209/2013/nđ-cp ngày 18/12/2013 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật thuế giá trị gia tăng
34. Nguyễn Văn Tuyên (2008), *Một số ý kiến trao đổi, bình luận về dự án luật thuế doanh nghiệp và dự án luật thuế giá trị gia tăng*
35. Tạp chí Tài chính kỳ 2 số tháng 4/2016.

36. Đâu Anh Tuấn, “*Tổng quan về khu vực kinh tế hộ tại Việt Nam*”, VCCI, 2015.
37. Lê Thị Thu Thủy (2008) *Luật thuế giá trị gia tăng nên sửa đổi theo hướng nào*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp điện tử
38. Bùi Thị Thúy (2013) “*Hoàn thiện chính sách pháp luật thuế GTGT trong tiến trình cải cách và hiện đại hóa ngành thuế ở Việt nam*” luận văn thạc sĩ kinh tế
39. Mai Thị Thanh Xuân, Đặng Thị Thu Hiền (2013), “*Nghiên cứu phát triển kinh tế hộ gia đình ở Việt Nam*”, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Kinh tế và Kinh doanh, Tập 29, Số 3 (2013);
40. Nguyễn Văn Vân, Nguyễn Thị Thủy(2009) “*Một số vấn đề pháp lý về hoàn thuế giá trị gia tăng*” tạp chí Luật học số 2.